*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**BÀI 4 - CHỦ ĐỀ 4: TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ**

**Tiết 46,47,48,49,50**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ CA TRÀO PHÚNG**



**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết các đặc điểm thơ trào phúng (một số yếu tố thi luật; đặc sắc nội dung và hình thức nghệ thuật của thơ trào phúng); nắm được cách đọc hiểu văn bản thơ trào phúng.

- Năng lực đọc hiểu các văn bản thơ trào phúng trong và ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI THƠ TRÀO PHÚNG**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức về thơ trào phúng.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:** Củng cố tri thức nền về thơ ca trào phúng.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV phát phiếu học tập:**  *Dựa vào đáp án sau khi làm xong phiếu bài tập trắc nghiệm, em hãy trình bày sự hiểu biết của mình về thơ ca trào phúng qua việc điền vào bảng sau:*   |  |  | | --- | --- | | ***Câu hỏi*** | ***Nội dung trả lời*** | | Tiếng cười trong thơ trào phúng được bật ra từ đâu? |  | | Hình thức thể hiện? |  | | Ý nghĩa của thơ trào phúng? |  | | Nghệ thuật trong thơ trào phúng? |  |   **- GV phát vấn câu hỏi:**  Điều quan trọng nhất khi phân tích một tác phẩm thơ trào phúng là gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **PHIẾU BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM**  **Câu 1:** Tiếng cười trong thơ trào phúng được bật ra từ:  A. Những phản ứng lành mạnh của con người trước cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa tồn tại xung quanh chúng ta.  B. Những phản ứng lành mạnh của con người trước cái chưa đủ, chưa độc đáo hoặc cái không tốt tồn tại xung quanh chúng ta.  C. Những phản ứng lành mạnh của con người trước cái chưa hay, chưa đẹp tồn tại xung quanh chúng ta.  D. Những phản ứng lành mạnh của con người trước cái tiêu cực, xấu xa tồn tại xung quanh chúng ta.  **Câu 2:** Thơ trào phúng chuyển tải tiếng cười thông qua.  A. Hình thức ngôn ngữ viết.  B. Hình thức ngôn ngữ văn học.  C. Hình thức ngôn ngữ nói.  D. Hình thức ngôn ngữ thi ca.  **Câu 3:** Theo em thì:  A. Thơ trào phúng chỉ nên đọc cho vui.  B. Thơ trào phúng không quan trọng với đời sống ngày nay.  C. Thơ trào phúng không cần thiết với đời sống ngày nay.  D. Thơ trào phúng rất cần thiết cho cuộc sống hiện tại, để mọi người có thể nhìn vào và điều chỉnh lại bản thân.  **Câu 4:** Khi học xong thơ trào phúng, chúng ta cần:  A. Có ý thức hơn.  B. Có ý thức hướng tới những điều tốt đẹp.  C. Có ý thức phê phán cái xấu.  D. Có ý thức phê phán cái xấu, hướng tới những điều tốt đẹp.  **Câu 5:** Theo em thì:  A. Thơ trào phúng chỉ nên đọc cho vui.  B. Thơ trào phúng không quan trọng với đời sống ngày nay.  C. Thơ trào phúng không cần thiết với đời sống ngày nay.  D. Thơ trào phúng rất cần thiết cho cuộc sống hiện tại, để mọi người có thể nhìn vào và điều chỉnh lại bản thân.  **Câu 6:** Điều quan trọng nhất khi phân tích một tác phẩm thơ trào phúng?  A. Khẳng định được nội dung của bài thơ.  B. Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ.  C. Khẳng định được nghệ thuật của bài thơ.  D. Chỉ ra được nguyên nhân gây tiếng cười.  **Câu 7:** Nghệ thụật mà thơ trào phúng hay sử dụng là:  A. So sánh  B. So sánh, ẩn dụ, nói quá, phóng đại,...  C. Ẩn dụ  D. Nói quá | **I. TRI THỨC NỀN VỀ THƠ TRÀO PHÚNG CẦN GHI NHỚ.**  1/ Tiếng cười trong thơ trào phúng được bật ra từ: Những phản ứng lành mạnh của con người trước cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa tồn tại xung quanh chúng ta.  2/ Thơ trào phúng chuyển tải tiếng cười thông qua hình thức ngôn ngữ thi ca.  3/ Thơ trào phúng rất cần thiết cho cuộc sống hiện tại, để mọi người có thể nhìn vào và điều chỉnh lại bản thân.  4/ Nghệ thụật mà thơ trào phúng hay sử dụng là: So sánh, ẩn dụ, nói quá, phóng đại,...  5/ Điều quan trọng nhất khi phân tích một tác phẩm thơ trào phúng khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ. |

**CÁC VĂN BẢN THƠ TRÀO PHÚNG ĐƯỢC HỌC TRONG BỘ SÁCH KNTT 8**

|  |  |
| --- | --- |
| **VĂN BẢN 1.** | **LỄ XƯỚNG DANH KHOA THI ĐINH DẬU**  **( TRẦN TẾ XƯƠNG)** |
| **VĂN BẢN 2.** | **LAI TÂN (HỒ CHÍ MINH)** |

**CÁC VĂN BẢN THƠ TRÀO PHÚNG NGOÀI SGK BỘ KNTT 8**

|  |  |
| --- | --- |
| **VĂN BẢN 1** | **BÀI CA NGẤT NGƯỞNG ( NGUYỄN CÔNG TRỨ)** |
| **VĂN BẢN 2** | **ĐỀ ĐỀN SẦM NGHI ĐỐNG ( HỒ XUÂN HƯƠNG)** |
| **VĂN BẢN 3** | **CHẠY GIẶC (NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU)** |

**ÔN TẬP VĂN BẢN 1:**

**LỄ XƯỚNG DANH KHOA THI ĐINH DẬU ( TRẦN TẾ XƯƠNG)**



**HOẠT ĐỘNG 1:**

**NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI THƠ TRÀO PHÚNG QUA VĂN BẢN**

**LỄ XƯỚNG DANH KHOA THI ĐINH DẬU ( TRẦN TẾ XƯƠNG)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  **Lệnh:** Chép thuộc lòng bài thơ LỄ XƯỚNG DANH KHOA ĐINH DẬU vào vở.  **Yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:**   1. *Xác định thể thơ?* 2. *Bài thơ viết bằng chữ Hán hay Nôm?*   *3.Bố cục bài thơ gồm mấy phần? Đó là những phần nào?*  *4. Cảm xúc chủ đạo của tác giả trong bài thơ này là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM**  **Câu 1:** Kỳ thi Hương - Khoa Đinh Dậu (1897) được Trần Tế Xương viết trong bài “Vịnh khoa thi Hương” diễn ra ở đâu?  A. Hà Nội  B. Nam Kì  **C. Nam Định**  D. Hà Tây  **Câu 2:** Cảnh trường thi như thế nào qua hai câu thơ “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ; Ậm oẹ quan trường miệng thét loa”?  **A. Thật bát nháo, kì quặc và ô hợp.**  B. Thật tưng bừng sinh động.  C Thật căng thẳng và hồi hộp.  D. Thật quy mô và nghiêm túc.  **Câu 3:** Trong bài “Vịnh khoa thi Hương”, những nhân vật nào xuất hiện trong hai câu thơ này “Lọng cắm rợp trời quan sứ đến; Váy lê quét đất mụ đầm ra”?  A. Sĩ tử và quan trường  B. Quan trường và quan sứ  **C. Quan sứ và bà đầm**  D. Quan trường và bà đầm  **Câu 4:** Thái độ và tâm trạng của tác giả thể hiện như thế nào trước cảnh trường thi trong bài “Vịnh khoa thi Hương”.  A. Vui mừng và tự hào  B. Chán ngán, xót xa, đau đớn.  C. Tiếc nuối, bâng khuâng  **D. Phẫn uất, ngậm ngùi**  **Câu 5:** Trần Tế Xương viết bài "Vịnh khoa thi Hương" với dụng ý gì?  A. Tác giả vẽ nên một phần hiện thực nhốn nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu, đồng thời nói lên tâm sự của mình trước tình cảnh đất nước.  B. Bài thơ ghi lại cảnh “nhập trường” vừa ghi lại cảnh lễ xướng danh qua đó nói lên tâm trạng đau đớn, chua xót của nhà thơ trước hiện thực mất nước, giao thời nhốn nháo, nhố nhăng.  C. Ca ngợi những thí sinh thi đỗ ở kì thi năm Đinh Dậu.  **D. Đáp án A và B**  **Câu 6:** Giá trị châm biếm của bài thơ bộc lộc rõ nét nhất qua hai câu thơ nào?  A. *Nhà nước ba năm mở một khoa/ Trường Nam thi lẫn với trường Hà*.  B. *Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ/ Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.*  **C. *Lọng cắm rợp trời quan sứ đến/ Váy lê quét đất mụ đầm ra.***  D. Nhân tài đất Bắc nào ai đó/ Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.  **Câu 7:** Tác giả đã sử dụng thủ pháp nghệ thuật gì trong hai câu thơ: “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ/ Ậm oẹ quan trường miệng thét loa”?  A. Cường điệu  **B. Đảo ngữ**  C. So sánh  D. Phép đối  **Câu 8:** Trong bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” có phép bình đối. Vậy vế đối với “Lọng cắm rợp trời quan sứ đến” là vế nào sau đây?  A. Ậm oẹ quan trường miệng thét loa  **B. Váy lê quét đất mụ đầm ra**  C. Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ  D. Nhân tài đất Bắc nào ai đó | **I.NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI THƠ TRÀO PHÚNG QUA VĂN BẢN**  ***LỄ XƯỚNG DANH KHOA THI ĐINH DẬU***  **1/ Bài thơ được làm theo thể thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.**  2/ Bài thơ viết bằng chữ Nôm.  3/ Bố cục bài thơ gồm 4 phần:  Đó là đề - thực - luận - kết.   4/Cảm xúc chủ đạo là phê phán hiện thực đau buồn, nhốn nháo, nhố nhăng. Và trữ tình thấm thía bao cay đắng tủi nhục. |

**HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về thơ trào phúng, cách đọc hiểu văn bản thơ Đường luật.

Ngữ liệu sử dụng các văn bản thơ trào phúng cả trong (bộ KNTT) và ngoài SGK.

Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HỌC SINH** | **SẢN PHẨM DỰ KIÉN** |
| **Mục tiêu:** giúp HS khắc sâucác đơn vị kiến thức cơ bản về tác phẩm đã học trong chương trình.  **Tổ chức thực hiện:** Sử dụng phiếu bài tập tự luận nhỏ nhằm kích hoạt khả năng xử lí các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **BÀI TẬP SỐ 1**  **Đọc kĩ bài thơ Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu và trả lời các câu hỏi sau:**  **Câu hỏi 1.** Hai câu đề cho biết điều gì về chế độ thi cử ở nước ta cuối thế kỉ XIX?  **Câu hỏi 2.** Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong cách diễn đạt “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ” và “Ậm ọe quan trường miệng thét loa"? Nêu tác dụng của BPTT đó trong việc tái hiện hình ảnh các sĩ tử và quan viên người Việt.  **Câu hỏi 3.** Phân tích tác dụng của phép đối được tác giả sử dụng trong hai câu thực.  **Câu hỏi 4.** Tiếng cười trào phúng được thể hiện như thế nào qua việc đặc tả, nhấn mạnh hai hình ảnh mang tính chất “ngoại lai” là quan sử và mụ đầm?  **Câu hỏi 5.** Nhắc đến "nhân tài đất Bắc”. tác giả muốn ám chỉ những đối tượng nào? Em cảm nhận được thái độ gì của tác giả qua lời nhắn nhủ ấy?  **Câu hỏi 6.** Nhân vật nào trong bài thơ để lại ấn tượng cho em nhiều nhất? Vì sao? **Câu hỏi 7.** Phân tích tác dụng của phép đối được tác giả sử dụng trong hai câu thực trong bài thơ "Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu". **Câu 8:** Viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) phân tích một chi tiết có tính chất trào phúng mà em ấn tượng nhất trong bài thơ Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu.   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**    **GỢI Ý ĐÁP ÁN BÀI TẬP 1:**  **Câu hỏi 1.** Hai câu đề đã phơi bày cả sự đổ nát của kì thi quốc gia và phê phán nhà nước vô trách nhiệm.   **Câu hỏi 2.**  Biện pháp tu từ đảo ngữ được dùng trong hai câu thực. Từ "lôi thôi" nhấn mạnh là hình ảnh của sĩ tử bị chìm trong sự nhếch nhác. Ậm oẹ nghĩa là ra bộ nạt nộ, hăm doạ. Việc sử dụng biện pháp đảo ngữ đã nhấn mạnh được không khí nhếch nhác trong ngày thi.   **Câu hỏi 3.** Câu thơ “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ” là một cảnh hài hước, chua chát. Đảo ngữ hai chữ “lôi thôi” lên đầu câu thơ gây ấn tượng nhếch nhác đáng buồn “vai đeo lọ”. Ậm oẹ nghĩa là ra bộ nạt nộ, hăm doạ. Cấu trúc câu thơ đảo ngữ đưa hai tiếng tượng thanh “ậm oẹ” lên đầu câu thơ để làm nổi bật hình ảnh các quan trường “miệng thét loa”. Trường thi không còn là chốn tôn nghiêm nền nếp nữa, quá lộn xộn, quá ồn ào, khác nào cảnh họp chợ, nên quan trường mới “ậm oẹ” và “thét loa” như thế. Tú Xương đối rất chỉnh làm hiện lên hai hình ảnh trung tâm của trường thi. Sĩ tử thì lôi thôi nhếch nhác, mất đi cái vẻ nho nhã thư sinh. Quan trường, giám thị, giám khảo cũng chẳng còn cái phong thái nghiêm trang, trịnh trọng vốn có.  **Câu hỏi 4.** Hình ảnh “Lọng cắm rợp trời” gợi tả cảnh đón tiếp dành cho “quan sứ”, lũ ăn cướp đất nước ta, một nghi lễ cực kì long trọng. Đó là nỗi đau mất nước. Từ xưa tới năm ấy (1897) chốn trường thi là nơi tôn nghiêm, lễ giáo phong kiến vốn trọng nam khinh nữ, đàn bà đâu được bén mảng đến nơi kén chọn nhân tài. Thế mà bây giờ, không chỉ “mụ đầm ra” mụ đầm đến với “váy lẽ quét đất” mà còn bày ra giữa thanh thiên bạch nhật một nghịch cảnh vô cùng nhục nhã.  **Câu hỏi 5.** Nhân tài đất Bắc là những ông nghè, ông cống, những con người có lòng tự tôn dân tộc,... ở vùng Sơn Nam, ở Kinh kì Thăng Long ngàn năm văn hiến, nơi hội tụ nhân tài, tinh hoa của đất nước. Thái độ của tác giả qua lời nhắn nhủ về cảnh nước nhà bị mất nước.   **Câu hỏi 6.** Nhân vật để lại cho em nhiều ấn tượng nhất đó là sĩ tử. Sĩ tử là những học trò, người có học vấn, tầng lớp có học thức; là học sinh của Quốc Tử Giám ( trường học do nhà vua lập ra ở kinh đô); rộng hơn là học sinh tại các trường do triều đình quản lý. Còn sĩ tử trong thơ Tế Xương thì sĩ tử mà bút mực đâu không thấy, chỉ nổi bật lủng lẳng một cái lọ (vì đường xa, phải đeo theo lọ nước uống). Hàng ngàn “sĩ tử vai đeo lọ” thì lôi thôi thật, là bức tranh biếm họa để đời về anh học trò đi thi trong thời buổi thực dân nhố nhăng. Còn quan trường thì “ậm ọe” giọng như mửa. Sĩ tử thì đông vì dồn cả hai trường thi lại nên quan trường phải “thét loa” lại còn lên giọng đe nẹt sĩ tử nên thành ra “ậm ọe” tởm lợm thật đáng ghét. Thái độ trào lộng của nhà thơ thật rõ ràng. Đối với “sĩ tử”, Tú Xương thấy nhếch nhác đáng thương; đối với “quan trường”, Tú Xương khinh ghét ra mặt. Quan trường của một kì thi quốc gia bát nháo mà còn “ậm ọe” không biết nhục. **Câu hỏi 7.** Hai câu thực miêu tả cảnh nhập trường và xướng danh bằng hai nét vẽ rất đặc sắc. Vì là người trong cuộc nên Tú Xương mới làm nổi bật cái thần của quang cảnh trường thi như vậy. Dáng hình sĩ tử thì “vai đeo lọ” trông thật nhếch nhác, “lôi thôi”. Sĩ tử là người đi thi, là những trí thức trong xã hội phong kiến từng theo nghiệp bút nghiên. Trong đám sĩ tử “lôi thôi” sẽ xuất hiện những ông cử, ông tiến sĩ, ông tú nay mai. Câu thơ “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ” là một cảnh hài hước, chua chát. Đảo ngữ hai chữ “lôi thôi” lên đầu câu thơ gây ấn tượng nhếch nhác đáng buồn “vai đeo lọ”. Lọ mực hay lọ đựng nước uống trong ngày thi? Đạo học (chữ Hán) đã cuối mùa, “Sĩ khí rụt rè gà phải cáo - Văn chương liều lĩnh đấm ăn xôi” nên trường thi mới có hình ảnh mỉa mai “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ” ấy. |

* **HƯỚNG DẪN HS LÀM CÁC BÀI ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGOÀI SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc văn bản: *Bài ca ngất ngưởng* - Nguyễn Công Trứ và trả lời câu hỏi:**

Vũ trụ nội mạc phi phận sự   
Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng   
Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông   
Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưởng   
Lúc bình Tây, cờ đại tướng   
Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên   
Đô môn giải tổ chi niên   
Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng   
Kìa núi nọ phau phau mây trắng   
Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi   
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì   
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng   
Được mất dương dương người tái thượng   
Khen chê phơi phới ngọn đông phong   
Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng   
Không Phật, không tiên, không vướng tục   
Chẳng Trái, Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú   
Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung   
Trong triều ai ngất ngưởng như ông!

**Câu 1:**Tên hiệu của Nguyễn Công Trứ là:

A. Ức Trai

B. Ngộ Trai

C. Ngọc Trai

D. Thanh Hiên

**Câu 2:**Những biểu hiện của sở thích khác thường, trái khoáy trong mười câu thơ tiếp theo là gì?

A. Cưỡi bò đeo đạc ngựa

B. Đi chùa có gót tiên theo sau

C. Uống rượu, ca hát

D. Đáp án A và B

**Câu 3:** Đáp án nào không phải là giá trị nội dung của bài thơ "Bài ca ngất ngưởng"?

A. Bài thơ thể hiện rõ thái độ sống của Nguyễn Công Trứ giai đoạn cuối đời, sau những trải nghiệm đắng cay của cuộc sống quan trường.

B. Ngất ngưởng là cách Nguyễn Công Trứ thể hiện bản lĩnh cá nhân trong cuộc sống.

C. Thái độ coi thường danh lợi, vượt lên thói thường để sống cuộc sống tự do, tự tại.

D. Bài thơ viết về những kỉ niệm đẹp đẽ, vinh hoa phú quý của những ngày Nguyễn Công Trứ còn làm quan.

**Câu 4:**Thể loại văn học nào sau đây không đúng với "Bài ca ngất ngưởng" của Nguyễn Công Trứ?

A. Ca trù

B. Hát nói

C. Hát xoan (hát xuân)

D. Hát ả đào

**Câu 5:**Trong bài thơ,Nguyễn Công Trứ đã khoe những danh vị gì mà ông đạt được?

A. Thủ khoa

B. Tham tán

C. Tổng đốc Dương

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 6:**Câu thơ “Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

A. Nhân hóa

B. Hoán dụ

C. Nói tránh

D. Ẩn dụ

GIẢI THÍCH: “Vào lồng” là hình ảnh ẩn dụ, diễn tả cuộc đời làm quan, coi thường danh lợi của Nguyễn Công Trứ. Làm quan được xem là bị giam hãm trong lồng, mất tự do, nhưng đó là điều kiện để bộc lộ tài năng, hoài bão, trọn nghĩa vua tôi.

**Câu 7:**Ông Hi Văn trong câu thơ “Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng” là ai?

A. Nguyễn Công Trứ

B. Cao Bá Quát

C. Nguyễn Khuyến

D. Nguyễn Đình Chiểu

GIẢI THÍCH: Hi Văn là biệt hiệt của Nguyễn Công Trứ

**Câu 6:**Theo em, từ “ngất ngưởng” trong bài thơ của Nguyễn Công Trứ được hiểu như thế nào?

1. Nguyễn Công Trứ giữ chức quan cao vì vậy sợ ngồi không vững.

B. Cách sống vượt lên trên những khuôn mẫu, gò bó. Thể hiện tính cách, thái độ, cách sống ngang tàng của Nguyễn Công Trứ.

C. Nguyễn Công Trứ làm bài thơ này khi ngồi ở trên núi cao chênh vênh.

D. Tất cả đều đúng

**Câu 7:**Nhận định sau đây đúng hay sai?

“Có thể coi các câu thơ 3, 4, 5 ,6 là một sự tổng kết toàn bộ quãng đời oanh liệt của Nguyễn Công Trứ ở chốn quan trường qua giọng thơ kiêu hãnh và khinh bạc. Đó là thái độ ngất ngưởng, cao ngạo của một con người vừa tự tin vào tài năng, nhân cách mình, vừa coi nhẹ danh vọng chốn phù vân ngay khi đang ở đỉnh cao danh vọng, khi đang sống giữa hư vinh”

A.   Đúng

B.   Sai

- Giải thích: Nguyễn Công Trứ tự hào mình là một người tài năng lỗi lạc, văn võ song toàn (khi thủ khoa, thao lược). Sáu câu thơ đầu là lời tự thuật chân thành của nhà thơ lúc làm quan, khẳng định tài năng và lí tưởng trung quân, lòng tự hào về phẩm chất, năng lực và thái độ sống tài tử, phóng khoáng, khác đời ngạo nghễ của một khả năng xuất chúng. Hay thái độ sống của người quân tử bản lĩnh, kiên trì, lí tưởng.

**Câu 7:**Từ “ngất ngưởng” được lặp lại bao nhiêu lần?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

**Câu 8:** Từ “ngất ngưởng” trong câu “Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưởng” thể hiện phẩm chất gì của tác giả Nguyễn Công Trứ lúc đang ở triều?

A. Tự ti

B. Tự kiêu

C. Tự hào

D. Tự tin

**ĐỀ SỐ 2:**

**Đọc bài thơ *Chạy giặc* của Nguyễn Đình Chiểu và trả lời các câu hỏi:**

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,*

*Một bàn cờ thế phút sa tay.*

*Bỏ nhà lũ trẻ lơ thơ chạy,*

*Mất ổ bầy chim dáo dác bay.*

*Bến Nghé của tiền tan bọt nước,*

*Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây*

*Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng?*

*Nỡ để dân đen mặc nạn này.*

**Câu 1:**Nội dung chính của các câu thơ dưới đây là gì?

A. Cảnh đất nước và nhân dân khi thực dân Pháp đến xâm lược

B. Tâm trạng, thái độ của tác giả trước cảnh nước mất, nhà tan

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

**Câu 2:**Đáp án **không phải** nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ "Chạy giặc"?

A. Các biện pháp tu từ: từ láy, phép đối

B. Vận dụng sáng tạo hình ảnh, thành ngữ dân gian

C. Hình ảnh thơ gợi hình gợi cảm

D. Ngôn ngữ thơ tinh tế, giàu cảm xúc

GIẢI THÍCH: Giá trị nghệ thuật:- Các biện pháp tu từ: từ láy, phép đối/ Hình ảnh thơ gợi hình, gợi cảm/ Ngôn ngữ thơ tinh tế, giàu cảm xúc

**Câu 3:**Giá trị tư tưởng được thể hiện trong bài thơ "Chạy giặc" là:

A. Tái hiện chân thực cảnh quê hương khi thực dân Pháp đến tàn sát

B. Thể hiện tình yêu thương nhân dân tha thiết

C. Bộc lộ lòng yêu nước, thương dân tha thiết, lòng căm thù giặc sâu sắc

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 4:**Giá trị hiện thực thể hiện trong bài thơ "Chạy giặc" là:

A. Bộc lộ nỗi đau mất nước

B. Bộc lộ lòng yêu nước

C. Tái hiện chân thực cảnh quê hương khi thực dân Pháp đến tàn sát

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 5:**Điền từ nào vào chỗ trống?

"Tan chợ vừa nghe tiếng ........

Một bàn cờ thế phút sa tay."

A. súng Tây

B. mõ kêu

C. súng ta

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 6:**Bài thơ "Chạy giặc" được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt

B. Thất ngôn trường thiên

C. Thất ngôn

D. Thất ngôn bát cú

**Câu 7:**  Hai câu thơ sau sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

“Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,

Mất ổ đàn chim dáo dác bay”

A. Ẩn dụ

B. Hoán dụ

C. Nhân hóa

D. Đảo ngữ

GIẢI THÍCH:- Nghệ thuật đảo ngữ: “bỏ nhà”, “mất ổ” được đảo lên đầu câu.

=> Tác dụng: nhấn mạnh nỗi ám ảnh bi thương về cảnh chạy giặc của dân làng.

**Câu 8:**Ý kiến sau đây đúng hay sai? Có ý kiến cho rằng: “Sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu sống dậy và hướng tới chúng ta những bài ca yêu nước. Điều này được thể hiện qua bài thơ Chạy giặc”

A.   Đúng

B.   Sai

GIẢI THÍCH: Bài thơ “Chạy giặc” là một bài ca yêu nước chống xâm lăng. Năm 1859, thực dân Pháp nổ súng tấn công thành Gia Định. Đất nước rơi vào thảm họa - Nguyễn Đình Chiểu viết bài thơ “Chạy giặc" bằng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật ghi lại sự kiện bi thảm này. Đặc biệt qua hai câu kết, tác giả kêu gọi tha thiết tình yêu đất nước trong mỗi người để hành động chống lại kẻ thù xâm lược.

**Câu 9:** Hai câu thơ sau bộc lộ tâm tư gì của tác giả Nguyễn Đình Chiểu?

“Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng

Nỡ để dân đen mắc nạn này?"

A. Kêu gọi dân chúng không nên sợ giặc, phải quyết tâm đứng lên đánh đuổi quân thù.

B. Phê phán triều đình Huế không quan tâm đến việc bảo vệ người dân, đồng thời thể hiện nỗi chờ mong khắc khoải sự xuất hiện của trang dẹp loạn để cứu nước.

C. Muốn ra tay cứu giúp dân chúng qua cơn lửa đạn.

D. Sự phẫn uất và bế tắc trước hiện thực

GIẢI THÍCH: Hai câu thơ tái hiện bức tranh hiện thực: quê hương ngập tràn bóng giặc nhưng triều đình không có một động thái nào. Từ đó bộc lộ tâm trạng phẫn uất, thất vọng đồng thời thể hiện nỗi chờ mong khắc khoải sự xuất hiện của trang dẹp loạn để cứu nước.

**Câu 10:**Địa danh nổi tiếng nào được tác giả Nguyễn Đình Chiểu nhắc đến trong bài thơ *Chạy giặc*?

A. Bến Nghé

B. Đồng Nai

C. Cả hai đáp án trên đều đúng

D. Cả hai đáp án trên đều sai

+ Đồng Nai: địa danh chỉ phần đất miền đông Nam Bộ, cũng là tên một con sông chảy vào Nhà Bè, gần Sài Gòn.

**Câu 5:**Hai câu thơ nào sau đây trong hài "Chạy giặc" của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ nét nhất sự hoảng hốt, ngơ ngác, mất phương hướng của nhân dân khi giặc Pháp xâm lược?

A. “Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,

Một bàn cờ thế phút sa tay”

B. “Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,

Mất ổ đàn chim dáo dác bay”

C. “Bến Nghé của tiền tan bọt nước

Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây”

D. “Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng

Nỡ để dân đen mắc nạn này?”

GIẢI THÍCH: Hai câu thơ thể hiện sự ngơ ngác, hoảng hốt, mất phương hướng của nhân dân khi giặc Pháp xâm lược:

“Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,  
  Mất ổ đàn chim dáo dác bay”

**Câu 6:**Khi giặc đến, đất nước rơi vào tình thế như thế nào?

A. Trong tư thế sẵn sàng chiến đấu với kẻ thù

B. Đang phòng thủ, chuẩn bị lực lượng chiến đấu

C. Tình thế bất ngờ, thất thế, mất chủ động

D. Tất cả các đáp án trên

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2:**

**LAI TÂN ( HỒ CHÍ MINH)**

**HOẠT ĐỘNG 1:**

**NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI THƠ TRÀO PHÚNG QUA VĂN BẢN**

**LAI TÂN (HỒ CHÍ MINH)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu 1:** HS nhận diện đặc điểm của thơ ca trào phúng qua bài ***Lai tân*** của Hồ Chí Minh.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  **- GV yêu cầu HS:** đọc thuộc lòng bài ***Lai tân.***  **- GV phát vấn câu hỏi.**  **Câu hỏi 1.** Bác Hồ ( Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh) đã bôn ba khắp năm châu bốn biển để tìm con đường cứu nước. Hãy kể tên một số nơi Bác đã từng đặt chân tới.  **Câu hỏi 2.** Hãy nêu tên một số bài thơ của Hồ Chí Minh mà em biết.  **Câu hỏi 3.**  ***Lai tân*** thuộc thể loại thơ gì? Em hãy chỉ ra các đặc điểm của thể thơ qua bài ***Lai tân****.*  *( GV phát phiếu học tập để HS chỉ ra đặc điểm thơ )*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Mục tiêu 2:** HS khắc sâu kiến thức về nội dung và nghệ thuật của thơ ca trào phúng  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  **- GV sử dụng phiếu học tập số 2**  -HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tri thức ngữ văn cần ghi nhớ**  Văn bản: **LAI TÂN**  1/ Tác giả: Hồ Chí Minh  **Câu hỏi 1.** Bác đã từng đặt chân tới nhiều nước thuộc các đại lục Âu, Á, Phi, Mỹ. Đặc biệt Người đã dừng chân khảo sát khá lâu ở 3 nước đế quốc lớn nhất thời đó là Mỹ, Anh và Pháp. Sau đó đến Liên Xô.  **Câu hỏi 2.** Cảnh rừng Pác Bó, Bài ca Trần Hưng Đạo, Cảnh khuya, Cảnh rừng Việt Bắc, Nhóm lửa,....  2/ Tác phẩm:  **Câu hỏi 3.** Bài thơ ***Lai Tân*** thuộc thể thơ Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. Do câu thơ thứ hai hiệp vần với câu thơ thứ 4 " tiền - thiên", bốn câu thơ theo thứ tự là các câu khai - thừa - chuyển - hợp. Bài thơ tuân theo luật bằng trắc.   **GỢI Ý ĐÁP ÁN PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2** | |

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**

**Câu hỏi 1.** **Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các nội dung phù hợp:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Văn bản | Thể thơ | Các phần trong bố cục bài thơ | Câu thơ tương ứng |
| Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu | thất ngôn bát cú | Giới thiệu về kì thi  Cảnh tượng khi đi thi  Những ông to bà lớn đến trường thi  Thái độ phê bình của nhà thơ với kì thi | Hai câu đề  Hai câu thực    Hai câu luận    Hai câu kết |
| Lai Tân | thất ngôn tứ tuyệt Đường luật | Phần 1: Hiện thực xã hội Lai Tân  Phần hai: Bình luận của tác giả | Ba câu đầu  Câu thơ cuối |

**Câu hỏi 2.** Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các thông tin phù hợp:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Văn bản | Đối tượng bị châm biếm, đả kích | Những cái xấu bị châm biếm, đả kích |
| Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu | sĩ tử, quan sứ, bà đầm, ông cử | sĩ tử: lôi thôi, nhếch nhác, mất đi cái vẻ nho sinh  quan sư: mất đi phong thái nghiêm trang, trịnh trọng  bà đầm: được đến nơi trường thi mà từ trước đến nay con gái không được vào  ông cử: ngồi vắt vẻo |
| Lai Tân | ban trưởng, cảnh trưởng, huyện trưởng | ban trưởng: đánh bạc, ngang nhiêm phạm luật cảnh trưởng: kiếm ăn quanh năm, lén lút moi tiền của tù nhân  huyện trưởng: chong đèn, bệ rạc, vô trách nhiệm |

**Câu hỏi 3.** **Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các thông tin tương ứng:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giọng điệu trào phúng | Đặc điểm của giọng điệu | Ví dụ minh họa ( tên bài thơ, tên tác giả) |
| Hài hước | chủ yếu mua vui, có mức độ phê phán nhẹ nhàng | Tự trào 1 của Phạm Thái |
| Mỉa mai - châm biếm | nhằm vạch trần bản chất xấu xa của đối tượng trào phúng, mức độ phê phán gay gắt, hình tượng nghệ thuật đạt đến độ sâu sắc | Hỏi thăm quan tuần mất cướp của Nguyễn Khuyến |
| Đả kích | mang giọng điệu phủ nhận gay gắt đối tượng, thể hiện quan niệm nhân sinh, đạo đức của tác giả. | Đất Vị Hoàng của Trần Tế Xương |

**Câu hỏi 4.** ***Tiếng cười trào phúng nhằm giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, đả kích những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa nhưng mục đích cao nhất của nó là hướng tới cuộc sống tốt đẹp hơn.***

**Em hãy nêu những suy nghĩ của mình về ý kiến trên.**

**GỢI Ý**

Nghệ thuật trào phúng là nghệ thuật gây cười nhằm đả kích, châm biếm những hiện tượng xấ u xa trong đời sống xã hội. Nó được biểu hiện qua việc xây dựng những mâu thuẫn trào phúng, nhân vật trào phúng, cảnh tượng trào phúng, ngôn ngữ trào phúng, giọng điệu trào phúng... Ý kiến " Tiếng cười trào phúng nhằm giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, đả kích những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa nhưng mục đích cao nhất của nó là hướng tới cuộc sống tốt đẹp hơn" là ý kiến đúng bởi nó đã khái quát được nghệ thuật của tiếng cười trào phúng. Các nhà văn, nhà thơ sử dụng nghệ thuật ấy nhằm tố cáo xã hội đương thời mục nát. những con người thực dụng nửa mùa, đưa tới những bài học giá trị nhân văn sâu sắc.

* **HƯỚNG DẪN HS THỰC HÀNH PHÂN TÍCH MỘT VĂN BẢN THƠ TRÀO PHÚNG NGOÀI SGK.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:** Phát huy năng lực đọc hiểu và cảm thụ văn học qua các văn bản thơ trào phúng trong và ngoài SGK.  **Tổ chức thực hiện:**  **NV1:** HS cần nắm được cách hiểu và cảm nhận được cái hay của nghệ thuật và nội dung trong thơ trào phúng.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  GV ghi đề bài lên bảng, yêu cầu HS đọc đề và thực hiện theo các bước.  **- HS** tếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.** | **Đề bài: Phân tích bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống của Hồ Xuân Hương.**  **HS thực hiện theo các bước:**  Bước 1: Trước khi viết  -Tìm hiểu đề, tìm ý và xây dựng dàn bài.  Bước 2: Thực hành viết  Bước 3: Đọc và sửa bài sau khi viết.  **GỢI Ý**  **Câu hỏi 1.** **Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ.**  Nữ sĩ Hồ Xuân Hương là một thi sĩ sống ở giai đoạn cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, bà được mệnh danh là " Bà Chúa thơ Nôm", năm 2021 bà được UNESCO công nhận là " danh nhân văn hóa thế giới".  Bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống viết về bọn Thái thú phương Bắc, bọn tướng tá xâm lược của Thiên triều.  **Câu hỏi 2.** **Phân tích nhan đề và đề tài.**  Chữ "đề" trong nhan đề bài thơ thể hiện nét văn hóa đẹp 'tức cảnh sinh tình", ngẫu hứng làm thơ vịnh cảnh, cảm khái trước khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống đời thường. Bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống viết về một tên tướng giặc bại trận phải tự vẫn đâu có được ngợi ca mà là đả kích, khinh thường.   **Câu hỏi 3.** **Phân tích nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.**  Hai câu đầu tả ngôi đền và cách nhìn của nữ sĩ. Hồ Xuân Hương nhân tiện đi qua, vô tình “trông ngang” mà chợt “thấy” ngôi đền của quan Thái thú. Bà mỉm cười và nghĩ: một tướng giặc đi cướp nước người thất trận (vô dũng, vô mưu) đã hèn hạ thắt cổ chết. “Trăm năm bia đá chẳng mòn – Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”. Bà ứng khẩu thành thơ: “Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo”. “Ghé mắt trông ngang” là một cái nhìn bằng nửa con mắt, khinh dẻ. Ngôn từ và giọng điệu thơ bỡn cợt, khinh thị, sắc nhọn. Nữ sĩ tả qua ngôi đền, tả thực bằng hai nét: mặt tiền là cái “bảng treo”; thế đứng của ngôi đền rất “cheo leo”, không chút uy nghi, vững vàng, lại heo hút! Những đền đài tráng lệ thường treo đại tự, hoành phi sơn son thiếp vàng, nhưng đền Sầm Nghi Đống chỉ có cái “bảng treo”, tầm thường quá! Một nét vẽ châm biếm thân tình – Hai tiếng “Thái thú” là một lời kết tội đanh thép đối với bọn quan lại tướng tá Thiên Triều, lũ con cháu của Tô Định, Mã Viện… ngày xưa. Giọng điệu mỉa mai bật lên chính ở 2 tiếng “Thái thú” ấy:  Kìa đền Thái thú đứng cheo leo  “Kìa” là đại từ để trỏ một vật từ xa. Trong văn cảnh từ “kìa” biểu cảm sự ngạc nhiên đến khó hiểu. Sầm Nghi Đống cầm quân bị đánh tơi tả, thắt cổ chết nhục nhã mà nay lại được đền thờ ư? Khó hiểu quá! Hài hước quá! Hai câu thơ đầu là sự khinh miệt, châm biếm.  **Câu hỏi 4. Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng.**  Từ kìa hàm ý chỉ trỏ, chẳng giấu giếm sự bất kính với chốn đền miếu linh thiêng, đồng thời cho thấy nữ sĩ tuy ngắm cảnh, vịnh cảnh, nhưng cũng chẳng thèm lại gần. Từ cheo leo vừa gợi ra vị trí xây dựng của ngôi đền (trên gò), vừa gợi cảm giác không vững vàng.  Câu thơ cho thấy dù là một viên tướng được thờ phụng, dù là một ngôi đền được xây cao thì trong mắt của nữ thi sĩ thì đó là một thứ rẻ rúng, coi thường và sự tôn nghiêm, thiêng liêng của ngôi đền đã biến mất sạch sẽ trong mắt nữ thi sĩ.   **Câu hỏi 5.** **Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ.**  Đề đền Sầm Nghi Đống là tiếng cười trào phúng vừa sâu cay, vừa mạnh mẽ của Hồ Xuân Hương dành cho một kẻ xâm lược, góp phần củng cố thêm lòng yêu nước trong mỗi người Việt Nam. Bài thơ đã cho thấy tài năng nghệ thuật của Hồ Xuân Hương - một nhà thơ hoàn toàn xứng đáng với danh hiệu " Bà Chúa thơ Nôm". |

*…………………………………………………………………………………………………*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**CHỦ ĐỀ 4: BÀI 4**

**TUẦN:Tiết 51, 52 ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**NGHĨA CỦA TỪ, THÀNH NGỮ HẤN VIỆT;**

**SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ VÀ VIỆC LỰA CHỌN TỪ NGỮ**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc suy ngẫm và chuẩn bị bài ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động vận dụng kiến thức đã học vào giao tiếp.

**2. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó;

- Nhận biết hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án.

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

GV giới thiệu chủ đề **THÀNH NGỮ (**[**thành ngữ Hán Việt**](https://xaydungso.vn/blog/nghia-cua-thanh-ngu-han-viet-trong-cuoc-song-hang-ngay-vi-cb.html)) Thành ngữ Hán Việt là một phần quan trọng trong văn hóa dân tộc Việt Nam. Đây là những câu thành ngữ mang ý nghĩa sâu sắc và khéo léo, thể hiện sự hiểu biết về đời sống và tâm lý con người. Tìm hiểu và sử dụng thành ngữ Hán Việt không chỉ giúp tăng cường kiến thức văn hóa mà còn giúp chúng ta hiểu rõ hơn về cuộc sống và kỹ năng giao tiếp.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẨN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu 1: Giúp** HS cuảng cố khắc sâu tri thức về thành ngữ. Nhận diện và hiểu được vai trò, ý nghĩa của thành ngữ trong biểu đạt nội dung và tình cảm của con người.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  **Nhiệm vụ 1:** GV củng cố kiến thức cho hs bằng cách cung cấp kiến thức nền hs đã được học, dùng phiếu bài tập trắc nghiệm để khắc sâu kiến thức. GV phát phiếu bài tập.  **BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM**  **Đọc và lựa chọn đáp án đúng nhất để trả lời cho những câu hỏi sau:**  **Câu 1:** Thế nào là thành ngữ?  A. Là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh,...  B. Là tập hợp của các từ không đổi  C. Là tập hợp các từ không đổi, không thể giải thích nghĩa  D. Là tập hợp các từ không có nghĩa  **Câu 2:** Cấu tạo của thành ngữ dựa vào những yếu tố nào?  A. Số lượng thành tố  B. Kết cấu ngữ pháp  C. Số từ trong câu  D. Số lượng thành tố và kết cấu ngữ pháp  **Câu 3:** Thành ngữ có đặc điểm gì  A. Có tính hình tượng  B. Có tính khái quát  C. Có tính hàm súc  D. Có tính hình tượng, khái quát, hàm súc, dựa trên các hình ảnh cụ thể  **Câu 4:** Tác dụng của thành ngữ  A. Bày tỏ tình cảm  B. Bày tỏ, bộc lộ tâm tư, tình cảm của người nói, người viết  C. Bộc lộ cảm xúc  D. Thể hiện thái độ  **Câu 5:** Nhận định nào sau đây là đúng?   1. Thành ngữ là một sản phẩm của văn hóa dân gian 2. Thành ngữ không phải sản phẩm của văn hóa dân gian 3. Thành ngữ chỉ đơn thuần phản ánh lại đời sống cha ông 4. Thành ngữ chỉ là câu nói vu vơ   **Câu 6:** Nhận định nào sau đây là đúng?  A. Thành ngữ được lồng vào lời nói còn tục ngữ thì đứng một mình  B. Thành ngữ chỉ đứng một mình  C. Thành ngữ không được thêm vào lời nói  D. Tục ngữ thường được thêm vào lời nói.  **Nhiệm vụ 2:** HD học sinh nhận diện thành ngữ trong văn bản.  Tổ chức thực hiện:  GV tổ chức trò chơi NHANH NHƯ CHỚP.  Yêu cầu trong 1 phút hs phải giải quyết xong 1 bài tập.  HS nào làm nhanh và đúng sẽ được thưởng điểm.  **CÂU HỎI CUỘC THI NHANH NHƯ CHỚP**  **Bài 1:** Trong bài thơ "Thương vợ", Trần Tế Xương đã sử dụng rất nhiều thành ngữ, em hãy gạch chân dưới các thành ngữ đó.  " Quanh năm buôn bán ở mom sông  Nuôi đủ năm con với một chồng  Lặn lội thân cò khi quãng vắng,  Eo sèo mặt nước buổi đò đông  Một duyên, hai nợ, âu đành phận,  Năm nắng, mười mưa, dám quản công.  Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:  Có chồng hờ hững cũng như không"  **Bài 2:** Tìm thành ngữ có trong các câu thơ sau:  *Người nách thước kẻ tay đao*  *Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi.*  *Một đời được mấy ánh hùng*  *Bõ chi cá chậu chim lồng mà chơi!*  *Đội trời đạp đất ở đời*  *Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông.*  ( Truyện Kiều, Nguyễn Du)  **Nhiệm vụ 3:** HD học sinh giải thích được nội dung ý nghĩa của thành ngữ.  Tổ chức thực hiện:  GV tổ chức trò chơi **AI HIỂU BIẾT?.**  Yêu cầu hs chuẩn bị trong 1 phút  HS nào giải thích đúng hết các thành ngữ GV đưa ra sẽ được thưởng điểm.  **AI HIỂU BIẾT?**   * **Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau:**   + *Một duyên hai nợ*:  + *Lặn lội thân cò*  + *Năm nắng mười mưa*  **GV phát vấn câu hỏi:**  Theo em, việc nhà thơ sử dụng các thành ngữ như vậy có tác dụng gì?   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Mục tiêu 2: GV giúp** HS nắm vững tri thức nền về thành ngữ Hán Việt, một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó;  Nhận biết hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ trong những ngữ cảnh nhất định.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.   * GV tổ chức cho HS nhìn vào sơ đồ thông tin để chỉ đặc điểm của thành ngữ Hán Việt.   **NGUỒN GỐC: HÁN TỰ**  **THÀNH NGỮ HÁN VIỆT**  **SỬ DỤNG ĐỂ TRUYỀN THÔNG ĐIỆP HOẶC KINH NGHIỆM SỐNG**  **HÌNH THỨC NGẮN GỌN**   * - GV tổ chức cho HS giải thích nội dung ý nghĩa của thành ngữ Hán Việt qua phiếu bài tập nhanh.   *Bác cổ thông kim* ***•*** *Bách chiến bách thắng* ***•*** *Bách niên giai lão* ***•*** *Bách phát bách trúng* ***•*** *Bài binh bố trận* ***•*** *Bán tín bán nghi* ***•*** *Bất di bất* ***•*** *Bất khả xâm phạm* ***•*** *Bất phân thắng bại* ***•*** *Bất tỉnh nhân sự* ***•*** *Bế quan tỏa* ***•*** *Bĩ cực thái lai* ***•*** *Biệt vô âm tín* ***•*** *Cải tà quy chính (chánh)* ***•*** *Cải tử hoàn sinh* ***•*** *Cao lương mĩ vị* ***•*** *Cầm kì thi* ***•*** *Cẩn tắc vô ưu* ***•*** *Chí công vô tư*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I/ Tri thức tiếng Việt cần ghi nhớ**  **THÀNH NGỮ**  1/ Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh,...  2/ Xét về mặt ngữ pháp thì thành ngữ chưa thể coi là một câu hoàn chỉnh vì nó chưa có đủ cấu tạo cơ bản của một câu.  3/Về ý nghĩa:thành ngữ thường mang chức năng thẩm mỹ chứ không có chức năng nhận thức và chức năng giáo dục nên thành ngữ thuộc về ngôn ngữ.  ***4/ Đặc điểm và vai trò của thành ngữ***  ***+*** Tuy thành ngữ có cấu tạo cố định nhưng một số ít thành ngữ vẫn có thể có những biến đổi nhất định. VD: thành ngữ *đứng núi này trông núi nọ* có thể có những biến thể như *đứng núi này trông núi khác*, *đứng núi nọ trông núi kia,...*  + Thành ngữ ngắn gọn, hàm súc, có tính hình tượng và tính biểu cảm cao nên có thể dễ dàng bày tỏ, bộc lộ được tâm tư, tình cảm của người nói, người viết.  **BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM**   |  |  | | --- | --- | | Câu | Đáp án | | 1 | A | | 2 | D | | 3 | D | | 4 | B | | 5 | A | | 6 | A |   **NHANH NHƯ CHỚP**  **GỢI Ý ĐÁP ÁN**  **Bài 1:** Các thành ngữ được sử dụng trong bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương.  *Lặn lội thân cò*  *Một duyên, hai nợ*  *Năm nắng, mười mưa*  **Bài 2:** Các thành ngữ được sử dụng trong đoạn thơ:  *Đội trời đạp đất*  *Cá chậu chim lồng*  *Đầu trâu mặt ngựa*  **AI HIỂU BIẾT?**   * Giải thích nghĩa của các thành ngữ   + *Một duyên hai nợ*: hàm ý nói bà Tú lấy chồng cái duyên có một ít cái nợ, diễn tả nỗi vất vả của bà Tú.  + *Lặn lội thân cò*: từ hình ảnh “con cò” trong ca dao, Tú Xương đã sáng tạo ra một thành ngữ mới, chỉ sự vất vả của người phụ nữ.  + *Năm nắng mười mưa*: chỉ sự vất vả, cực nhọc, dãi dầu mưa nắng  Tác dụng: *Trong bài thơ này, tác giả đã sử dụng thành ngữ không chỉ nhằm gợi tả sự lam lũ, vất vả, đảm đang tháo vát của người đàn bà trong cuộc đời ông mà còn bộc lộ nỗi xót xa của nhà thơ trước sự vất vả của người vợ, từ đó thể hiện sự đồng cảm với nỗi vất vả củavợ nhiều hơn.*  **THÀNH NGỮ HÁN VIỆT**  Thành ngữ Hán Việt là tập hợp các câu tục ngữ, câu châm ngôn hoặc các cụm từ mà người Việt Nam sử dụng và thông hiểu được từ nguồn gốc Hán tự.  Thành ngữ này thường được sử dụng để diễn đạt ý nghĩa, truyền đạt thông điệp hoặc kinh nghiệm sống thông qua cách diễn đạt trích dẫn ngắn gọn và súc tích.  **BÀI TẬP GIẢI THÍCH NGHĨA CỦA CÁC THÀNH NGỮ HÁN VIỆT.**  Bác cổ thông kim : học rộng biết nhiều, am hiểu cả xưa lẫn nay.  **•** Bách chiến bách thắng : trăm trận trăm thắng; đánh trận nào thắng trận ấy, không có đối thủ nào địch nổi.  **•** Bách niên giai lão : cùng sống với nhau đến lúc già, đến trăm tuổi (thường dùng làm lời chúc vợ chồng mới cưới).  **•** Bách phát bách trúng : trăm phát trăm trúng; bắt phát nào trúng phát ấy, rất chính xác.  **•** Bài binh bố trận : sắp xếp, tổ chức và bố trí lực lượng thành thế trận sẵn sàng chiến đấu.  **•** Bán tín bán nghi : nửa tin nửa ngờ.  **•** Bạt sơn cử đỉnh : sức mạnh có thể nhổ được núi nâng được vạc lên.  **•** Bất di bất dịch : (cái có giá trị tinh thần) không bao giờ thay đổi, mãi mãi vẫn như thế.  **•** Bất khả xâm phạm : không ai được phép xâm phạm (theo luật pháp).  **•** Bất phân thắng bại : không phân định được bên nào được, bên nào thua, các bên đều ngang tài ngang sức nhau.  **•** Bất tỉnh nhân sự : mê man không biết chi cả.  **•** Bế quan tỏa cảng : (chính sách) đóng các cửa ải và cửa biển, không giao dịch với nước ngoài.  **•** Bĩ cực thái lai : hết cái rủi ro, long đong thì đến cái may mắn, yên vui.  **•** Biệt vô âm tín : hoàn toàn biệt tin, đã lâu không có tin tức gì. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

* **Mục tiêu:** Giúp hs nhớ kiến thức cũ để làm bài tập,tạo nền tảng cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**-** HS vận dụng kiến thức về thành ngữ để giải quyết các bài tập

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Mục tiêu 1: Giúp** HS vận dụng thành ngữ trong biểu đạt nội dung và tình cảm của con người. * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  **Nhiệm vụ 1:** GV củng cố kiến thức cho hs bằng cách cung cấp kiến thức nền hs đã được học, dùng phiếu bài tập   * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Bài tập 1.** Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và tìm từ có yếu tố Hán Việt tương ứng:   |  |  | | --- | --- | | Yếu tố  Hán Việt | Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng | | Gian  (lừa dối, xảo trá) |  | | Gian  (giữa,khoảng giữa) |  | | Gian  (khó khăn, vất vả) |  |   **Bài tập 2.** **Xếp các từ ngữ sau thành từng nhóm có yếu tố Hán Việt cùng nghĩa và giải nghĩa yếu tố Hán Việt đó:**  a. **nam**: kim chỉ nam, nam quyền, nam phong, phương nam, nam sinh, nam tính.  b. **thủy**: thủy tổ, thủy triều, thủy lực, hồng thủy, khởi thủy, nguyên thủy.  c. **giai**: giai cấp, giai điệu, giai nhân, giai phẩm, giai thoại, giai đoạn, bách niên giai lão.  **Bài tập 3.** **Giải nghĩa các thành ngữ có yếu tố Hán Việt sau và đặt một câu với mỗi thành ngữ:**  a. vô tiền khoáng hậu  b. dĩ hòa vi quý  c. đồng sành dị mộng  d. chúng khẩu đồng từ  e. độc nhất vô nhị | **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  **GỢI Ý ĐÁP ÁN BÀI 1**   |  |  | | --- | --- | | Yếu tố Hán Việt | Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng | | Gian  ( lừa dối, xảo trá) | gian xảo, gian dối, gian trá, gian ô, gian dâm. | | Gian  ( giữa, khoảng giữa) | nhất gian | | Gian  ( khó khăn, vất vả) | gian hiểm, gian khổ |   **GỢI Ý ĐÁP ÁN BÀI 2**  a. - Nhóm các từ chỉ nam1: kim chỉ nam, nam phong, phương nam ( ý chỉ sự phương hướng).  - Nhóm các từ chỉ nam2: nam quyền, nam sinh, nam tính ( ý chỉ về con trai).  - Giải nghĩa:  + kim chỉ nam: kim có nam châm dùng để chỉ phương hướng. Khi nói về chủ trương, đường lối … và nói một cách văn vẻ hơn, nó còn có ý "điều chỉ dẫn đường lối đúng".  + nam phong:   * chỉ gió thổi từ phương nam * tên một khúc nhạc tương truyền do vua "Thuấn" sáng tác. * âm nhạc của phương Nam * chỉ thiên "quốc phong" trong kinh Thi.   + phương nam:  chỉ một phương trong bốn phương, nằm ở phía tay phải của người đang ngoải mặt về phía Mặt Trời.  + nam quyền: khái niệm chỉ các phái võ ở miền Nam Trung Hoa và có nguồn gốc từ Nam Thiếu Lâm ở Toàn Châu và tỉnh Phúc Kiến là chủ yếu.  + nam sinh: chỉ học sinh nam.  + nam tính: chỉ giới tính nam.  b. - Nhóm các từ chỉ thủy1: thủy tổ, khởi thủy, nguyên thủy (ý chỉ sự bắt đầu, đầu tiên).  - Nhóm các từ chỉ thủy2: thủy triều, thủy lực, hồng thủy (ý chỉ nước).  - Giải nghĩa:  + thủy tổ: là vị tổ đầu tiên, người khai sinh, người sáng lập ra một dòng họ, một cộng đồng tộc người, một dân tộc, một quốc gia thậm chí cả loài người.  + thủy triều: hiện tượng nước [biển](https://vi.wikipedia.org/wiki/Bi%E1%BB%83n), nước [sông](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B4ng)... lên xuống trong một chu kỳ thời gian phụ thuộc biến chuyển [thiên văn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%C3%AAn_v%C4%83n).  + thủy lực: môn khoa học lý giải về sự chuyển động cũng như vận chuyển lực của một chất lỏng tồn tại trong môi trường giới hạn nào đó.  + hồng thủy: đại thảm họa khủng khiếp được nhắc đến trong truyền thuyết của nhiều tôn giáo và nhiều dân tộc trên thế giới. Nó được miêu tả là một trận lụt cực lớn và đối với Kinh Thánh là sự trừng phạt của Thiên Chúa do sự suy đồi đạo đức, thoái hóa biến chất của loài người.  + khởi thủy: là đầu tiên, trước hết bắt đầu cho một quá trình nào đó thường là lâu dài.  + nguyên thủy: thuộc về giai đoạn hình thành và phát triển đầu tiên của loài người, cho đến trước khi bước vào xã hội có giai cấp và có nhà nước.  c. - Nhóm các từ chỉ giai 1: giai cấp, giai đoạn, bách niên giai lão (ý nói về dài, nhiều)  - Nhóm các từ chỉ giai 2: giai điệu, giai nhân, giai phẩm, giai thoại.  - Giải nghĩa:  + giai cấp: những tập đoàn người có địa vị khác nhau trong một hệ thống sản xuất nhất định. Giai cấp không phải tồn tại trong tất cả các xã hội khác nhau của lịch sử và nó không thể tồn tại vĩnh viễn và tuyệt đối.  + giai điệu: một chuỗi nối tiếp của các nốt nhạc (các cấp độ hay tầng dao động sóng âm thanh) mà người nghe nhận thức như một thực thể duy nhất.  + giai nhân: chỉ người đàn bà đẹp.  + giai phẩm: một phong trào văn hóa mang xu hướng chính trị của một số văn nghệ sĩ, trí thức sống ở miền Bắc dưới chính quyền Việt Nam.  + giai thoại: một truyện ngắn và hấp dẫn về một sự việc hoặc nhân vật có thật. Tuy được dựa trên một việc hoặc người có thật, nhưng vì được truyền tải qua nhiều bước, nên giai thoại có thể trở thành "hơi phi lý".  + giai đoạn: phần thời gian trong một quá trình phát triển dài, phân biệt với những phần thời gian khác bởi những hiện tượng, những đặc điểm riêng.  + bách niên giai lão: ngụ ý vợ chồng cùng nhau sống đến trăm tuổi, bên nhau đến già. Dùng để chỉ toàn bộ thời gian mà một người sống trên cõi đời này.  **GỢI Ý ĐÁP ÁN BÀI 3**  a. [Điều](https://vi.wiktionary.org/wiki/%C4%91i%E1%BB%81u) chưa từng [xảy ra](https://vi.wiktionary.org/wiki/x%E1%BA%A3y_ra) trong [quá khứ](https://vi.wiktionary.org/wiki/qu%C3%A1_kh%E1%BB%A9) và cũng rất khó xảy ra trong [tương lai](https://vi.wiktionary.org/wiki/t%C6%B0%C6%A1ng_lai).  b. Ý nghĩa cả câu khuyên con người ta giao tiếp hòa thuận, hòa nhã khi tiếp xúc lẫn nhau. Việc hòa hợp, nhường nhịn lẫn nhau sẽ giúp cải thiện mối quan hệ giữa hai người.  c. (Nghĩa đen) Cùng nằm một giường mà giấc mơ khác nhau. (Nghĩa bóng) Sống gần nhau, nhưng không cùng một chí hướng. Vợ chồng đồng sàng dị mộng.  d. chúng: đông người; khẩu: miệng; đồng: cùng; từ: lời): Nhiều người cùng nói một ý giống nhau: Chúng khẩu đồng từ, ông sư cũng chết (tng).  e. Thứ độc đáo, chỉ có một mà không có hai. |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.**

**SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ VÀ VIỆC LỰA CHỌN TỪ NGỮ**

* **Mục tiêu:** Việc sử dụng từ Hán Việt và thuần việt tương đương đều phải có sự lựa chọn khéo léo mới đạt mục đích giao tiếp. HS biết cách tìm hiểu nghĩa và sắc thái từ ngữ, biết lựa chọn từ cho phù hợp trong ngữ cảnh..

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:** giúp HS khắc sâucác đơn vị kiến thức cơ bản về sắc thái biểu cảm của từ ngữ và biết lựa chọn từ ngữ trong quá trình sử dụng.  **Tổ chức thực hiện:** Sử dụng phiếu bài tập nhằm kích hoạt khả năng xử lí các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * GV phát phiếu bài tập * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Câu hỏi 1.** **Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ ngữ sau và cho ví dụ để làm rõ sự khác nhau về cách dùng giữa các từ ngữ đó:**  a. ngắn và cụt lủn  b. cao và lêu nghêu  c. lên tiếng và cao giọng  d. chậm rãi và chậm chạp  **Câu hỏi 2.** **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Huống chi ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa. để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tại vạ về sau?*  (Trần Quốc Tuấn, Hịch tướng sĩ)  a. Tìm trong đoạn trích năm từ Hán Việt và giải nghĩa các từ đó.  b. Đi một câu với mỗi từ Hán Việt tìm được.  **Câu hỏi 3.** **Theo em, các từ in đậm trong từng nhóm câu sau đây có thể thay thế cho nhau được không? Vì sao?**  a. - Cuộc kháng chiến **vĩ đại** ấy là một minh chứng hùng hồn cho tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  - Anh ấy có mội thân hình **to lớn**, săn chắc.  b. - Không thể thống kê chính xác số người **chết** trong nạn đói năm 1945.  - Người chiến sĩ ấy đã **hi sinh** trong một trận chiến ó biên giới phía Bắc.  - Cụ tôi đã **mất** cách đây năm năm.  **Câu hỏi 4.** **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  Vua truyền cho hai chú cháu đứng dậy, và nói tiếp:  - Việc nước đã có người lớn lo. Hoài Văn Hầu nên về quê để **phu nhân** có người sớm hôm trông cậy. **Đế vương** lấy hiếu trị **thiên hạ**, em ta không nên sao nhãng phận làm con.  Vừa lúc ấy, một người **nội thị** bưng một mâm cỗ đi qua. Thiệu Bảo cầm lấy một quả cam sành chí mọng trên mâm, bảo một nội thị đưa cho Hoài Văn.  *(Nguyễn Huy Tưởng, Lá cờ thêu sáu chữ vàng)*  a. Tìm từ ngữ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn trích trên.  b. Việc sử dụng các từ in đậm đó đã đem lại sắc thái gì cho lời văn? | **I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT CẦN GHI NHỚ**.  **THỰC HÀNH CÁC DẠNG B ÀI TẬP**  **Câu hỏi 1.** **Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ ngữ sau và cho ví dụ để làm rõ sự khác nhau về cách dùng giữa các từ ngữ đó:**  a. ngắn chỉ tính chất trung tính nhưng cụt lủn có sắc thái châm biếm.  b. cao chỉ mang sắc thái trung tính còn lêu ngêu mang sắc thái nghĩa chê bai.  c. lên tiếng chỉ mang sắc thái trung tính còn cao giọng mang sắc thái mỉa mai.  d. chậm rãi chỉ mang sắc thái tích cực còn chậm chạp mang sắc thái tiêu cực.  **Câu hỏi 2.** **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  a. Năm từ Hán Việt trong đoạn trích: loạn lạc, gian nan, giả hiệu, triều đình, thác mệnh.  - loạn lạc: tình trạng hỗn loạn, trật tự mất hết trong một nước  - gian nan: có nhiều khó khăn gian khổ phải vượt qua.  - giả hiệu: chỉ trên danh nghĩa chứ thực chất không phải, cốt để đánh lừa. độc lập giả hiệu  - triều đình: nơi các quan vào chầu vua và bàn việc nước; thường dùng để chỉ cơ quan trung ương, do vua trực tiếp đứng đầu, của nhà nước quân chủ.  - thác mệnh: ỷ lại  b. - Thời kì loạn lạc của đất nước khiến mọi thứ bị trì trệ.  - Công việc của tôi càng ngày gian nan.  - Cô gái giả hiệu mẹ của đứa trẻ nhằm đánh lừa mọi người đi đường để bắt cóc đứa bé ấy.  - Triều đình ta ngày càng thịnh vượng.  - Anh ta đã thác mệnh cho đồng đội.  **Câu hỏi 3.** **Theo em, các từ in đậm trong từng nhóm câu sau đây có thể thay thế cho nhau được không? Vì sao?**  a. Không vì nếu thay đổi sẽ mất đi sắc thái nghĩa khái quát, trừu tượng. Từ vĩ đại thường mang một ý nghĩa, sự kiện liên quan đến tầm vóc lơn lao, trọng đại. Từ to lớn thường chỉ sự vật, con người mang tính hẹp hơn.  b. Không vì nếu thay đổi như thế sẽ mất đi sắc thái trang trọng trong từng câu văn.  **Câu hỏi 4.** **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  a. phu nhân: vợ  - đế vương: vua  - thiên hạ: thế gian, trời đất. . - nội thị: người hầu, kẻ hạ, thái giám.  b. Việc sử dụng các từ in đậm đã đem lại sắc thái trang trọng cho câu văn. |

*Ngày soạn*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**CHỦ ĐỀ 4: BÀI 4**

**Tiết 53, 54, 55**

**ÔN TẬP VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**( THƠ TRÀO PHÚNG)**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Năng lực tư duy, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**2. Năng lực riêng biệt:**

- Nắm được các bước thực hành làm một bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

- Năng lực thu thập thông tin, tìm ý và xây dựng cấu trúc một bài văn phân tích tác phẩm văn học.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực viết: viết được đoạn văn đúng hình thức và đảm bảo về nội dung, viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học (phân tích một bài thơ trào phúng).

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án.

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

**Mục tiêu:** HS cần hiểu và nắm rõ kiến thức về đặc trưng kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học ( thơ trào phúng)

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Hoạt động 1:**  **Mục tiêu: HS cần nắm vững được các yêu cầu của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học nội dung trào phúng.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV phát vấn câu hỏi:**  *+Một bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) cần đảm bảo yêu cầu gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS trình bày nội dung từng phần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Hoạt động 2: BÁO CÁO DỰ ÁN**  **Mục tiêu: Giúp HS biết cách thu thập thông tin và tìm ý chuẩn bị cho việc làm bài phân tích một tác phẩm văn học có nội dung trào phúng.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*Giáo viên yêu cầu HS: Báo cáo dự án học tập số 1 mang tên: Hồ sơ người nổi tiếng.**  -Trình bày hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Khuyến. ( tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp…) và tác phẩm Bạn đến chơi nhà.  **\*Giáo viên yêu cầu HS: Báo cáo dự án học tập số 2.**  **Trình bày các** **đặc trưng của thể loại thơ trào phúng qua bài thơ “Bạn đến chơi nhà”.**  -Em hãy chỉ ra các yếu tố thể hiện đặc trưng của thơ trào phúng qua bài thơ “Bạn đến chơi nhà”.   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm thơ trào phúng** | **Trả lời** | | Mạch cảm xúc |  | | Sử dụng nghĩa của từ ngữ |  | | Thủ pháp trào phúng |  | | Tiếng cười trào phúng |  |   **\*Giáo viên yêu cầu HS: Báo cáo dự án học tập số 3.**  **Tìm ý để phân tích bài thơ “Bạn đến chơi nhà”.**  *+ Nội dung bài thơ Bạn đến chơi nhà?*  *+ Hoàn cảnh ra đời của bài thơ “Bạn đến chơi nhà”?*  *+ Nghệ thuật xây dựng tình huống trong tác phẩm? Tác dụng?*  *+ Các thủ pháp nghệ thuật tiêu biểu? Tác dụng?*  *+ Cảm nhận cá nhân về bài thơ ?*  *+ Ta có thể liên hệ với tình bạn trong các bài thơ, tác phẩm văn học nào khác?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS chuẩn bị ở nhà và lên lớp trình bày.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  -Thông qua việc chuẩn bị dự án học tập các nhóm trình bày dự án.  - Gv gọi HS nhận xét đánh giá, bổ sung ý kiến.  **B4: Kết luận, đánh giá**  -HS: Những nhóm không báo cáo nhận xét, bổ sung.  - GV:  + Chốt chuẩn kiến thức.  **+** Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. | **I. Yêu cầu:**  - Giới thiệu thông tin tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.  - Phân tích được nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.  - Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng được thể hiện trong bài thơ.  - Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ.  **II. Báo cáo dự án**  **DỰ ÁN 1:** Hồ sơ người nổi tiếng.  **1. Tác giả**  -Nguyễn Khuyến (1835 – 1909)  -Quê quán: Bình Lục – Hà Nam  -là người thông minh, học giỏi, đỗ đầu ba kỳ thi” Hương, Hội, Đình. →Tam Nguyên Yên Đổ  🡪Nguyễn Khuyến là nhà thơ lớn của dân tộc.  **DỰ ÁN 2:** **Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng qua bài thơ “Bạn đến chơi nhà”**  **-Mạch cảm xúc:**  + Câu thơ đầu: Giới thiệu tình huống bạn đến chơi →Niềm vui hồ hơi khi bạn đến chơi  + 6 câu tiếp: Hoàn cảnh tiếp đãi bạn → Tiếng cười hóm hỉnh, đùa vui trước hoàn cảnh eo le  + Câu cuối: Quan niệm về tình bạn → Trân trọng, tình cảm sâu sắc của mình dành cho bạn  **→Tạo ra một kết cấu độc đáo, 1/6/1 phá bỏ ràng buộc về bố cục 2/2/2/2 của thể thơ**  **-Các nghệ thuật tiêu biểu:**  + Sử dụng cách xưng hô: “ **bác**” : thể hiện sự thân mật, gần gũi, tôn trọng.  + Liệt kê các hình ảnh: *trẻ đi vắng, chợ xa, ao sâu nước cả, vườn ruộng, cải chửa ra cây, cà mới nụ, bầu rụng rốn, mướp đương hoa, trầu không có.*  **-> Làm nổi bật****hoàn cảnh tiếp đãi bạn của nhà thơ.**  + **Thủ pháp trào phúng: thể hiện qua lối nói** phóng đại, lối nói hóm hỉnh.  **-Tiếng cười trào phúng:**tự trào(cười mình) một cách hóm hỉnh đùa vui. → Tuy không có gì tiếp đãi bạn nhưng tác giả có một tình cảm chân thành, thân thiết.  **DỰ ÁN 3:** **Tìm ý phân tích bài thơ “Bạn đến chơi nhà”**  **\* Nội dung bài thơ Bạn đến chơi nhà:**  *Đây là một bài thơ mộc mạc, giản dị nói về tình bạn thân thiết, khăng khít và trong sáng của tác giả đối với người bạn thân.*  ***\** Tình huống trong tác phẩm: đã lâu rồi bạn mới đến chơi nhà nhưng chủ nhà lại không có gì để đãi bạn.**  => Tình huống được tạo ra có tính hài hước, nhà cái gì cũng có sẵn nhưng hóa ra lại chẳng có gì, từ đó cho thấy tình cảnh éo le của tác giả.  **\* Suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân:**  - Đây cũng là bức tranh hiện thực thời buổi lúc bấy giờ, khi nước mất nhà tan, đầy loạn lạc.  - Thể hiện cái tài nghệ đầy hóm hỉnh của một nhà nho thanh bạch của đương thời.  - Bài thơ là bức tranh sáng ngời về tình bạn giữa hai con người tri âm tri kỉ.  - Tình cảm là thứ duy nhất tồn tại mãi. Vật chất tầm thường xung quanh không đáng để so sánh với tình bạn vượt khoảng cách của nhà thơ Nguyễn Khuyến với bạn của mình.  **\* Các thủ pháp nghệ thuật tiêu biểu:**  + Nhịp thơ ngắt nhịp 3/4: tạo thanh hưởng nhịp nhàng,  khoan thai, chậm rãi như lời chân tình sâu sắc tác giả dành cho người bạn lâu ngày không gặp.  + Phép đối được sử dụng rất chặt chẽ, cách lặp cấu trúc và các cụm từ, sử dụng nhuần nhuyễn các tính từ, các từ ngữ [phủ định](https://luatduonggia.vn/phu-dinh-la-gi-phu-dinh-bien-chung-la-gi-phu-dinh-cua-phu-dinh/)…  + Nhà thơ sử dụng đại từ “ta” với nhiều tầng lớp nghĩa :  . Ta (1): chủ nhà – chính là nhà thơ Nguyễn Khuyến  . Ta (2): khách – Tức là người bạn lâu ngày không gặp của tác giả  . Sử dụng khéo léo quan hệ từ “với” như chiếc cầu nối liền hai đại từ “ta”, qua đó ta thấy được mối quan hệ giữa chủ và khách dường chẳng còn chút khoảng cách nào cả, tình bạn của hại người đã quá gắn bó, thân thiết, hòa hợp, vui vẻ, trọn vẹn đến nỗi có thể hòa thành một. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH VẬN DỤNG CÁC KĨ NĂNG**

**VÀO THỰC HÀNH TẠO LẬP VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **GV HƯỚNG DẪN HS RÈN LUYỆN KĨ NĂNG THỰC HÀNH VIẾT**  **Mục tiêu:** HS có kĩ năng tìm kiếm thông tin, biết tìm ý và thiết lập được dàn ý và diễn đạt dàn ý thành bài văn hoàn chỉnh.  **Hoạt động 2.1: GV hướng dẫn hs nhớ lại dàn ý của bài viết cần đảm bảo những nội dung gì.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  **\* GV phát vấn:**  *+ Em hãy nhắc lại cấu trúc trình bày bài văn phân tích một tác phẩm thơ có nội dung trào phúng.*  **\* HS tiếp nhận và trả lời câu hỏi**  **\* GV phát phiếu học tập và hướng dẫn HS làm bài.**  **Hoạt động 2.2: GV hướng dẫn hs thực hành các thao tác chuẩn bị trước khi viết.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  **+ Giao phiếu bài tập số 1:**  **NV1: MỤC ĐÍCH RÈN KĨ NĂNG THU THẬP THÔNG TIN, CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI VIẾT**  **1/ Em hãy chép lại bài thơ “Vịnh khoa thi Hương”của Trần Tế Xương và thực hiện các yêu cầu sau:**  *? Hãy cho biết những thông tin cơ bản về tác giả Trần Tế Xương, hoàn cảnh ra đời, thể loại và nội dung chính của bài thơ “Vịnh khoa thi hương”.*  **2/ Em hãy tìm ý, lập dàn ý phân tích bài thơ “Vịnh khoa thi Hương”.**  **NV2: MỤC ĐÍCH RÈN KĨ NĂNG TÌM Ý, LẬP DÀN Ý TRƯỚC KHI VIẾT**  **a/ Tìm ý:**  *+ Nội dung bài thơ?*  *+ Hoàn cảnh ra đời của bài thơ ?*  *+ Các thủ pháp nghệ thuật tiêu biểu? Tác dụng?*  *+ Cảm nhận cá nhân về bài thơ ?*  *+ Ta có thể liên hệ với các bài thơ, tác phẩm văn học nào khác?*  **b/ Lập dàn ý:**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: - Làm việc cá nhân 35’  GV:  - Hướng dẫn HS trình bày dàn ý.  - Quan sát, theo dõi HS thực hiện hiệm vụ.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: - báo cáo sp của mình, những HS còn lại quan sát sp của bạn, theo dõi bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Nhận xét, đánh giá**  GV:  - Nhận xét:  + Thái độ làm việc của HS khi làm nhiệm vụ.  + Sản phẩm của các cá nhân hs sau khi thực hiện yc của GV.  **+ GV giao phiếu bài tập số 2**  **Yêu cầu 1: Gọi 1** HS đọc đề và xác định đúng yêu cầu của đề bài.  **Yêu cầu 2: RÈN KĨ NĂNG THU THẬP THÔNG TIN, CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI VIẾT**  **1/ Em hãy chép lại bài thơ “Đề đền Sầm Nghi Đống” của Hồ Xuân Hương và thực hiện các yêu cầu sau:**  *? Hãy cho biết những thông tin cơ bản về tác giả Hồ Xuân Hương, thể loại, chủ đề, nghệ thuật và giá trị nội dung chính của bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống?*  *?Đặc trưng thể loại thơ trào phúng được thể hiện như thế nào qua bài thơ?*  **Yêu cầu 3: Em hãy tìm ý, lập dàn ý phân tích bài thơ “Đề đền Sầm Nghi Đống”.**  **a/ Tìm ý:**  *+ Nội dung bài thơ?*  *+ Hoàn cảnh ra đời của bài thơ ?*  *+ Các thủ pháp nghệ thuật tiêu biểu? Tác dụng?*  *+ Cảm nhận cá nhân về bài thơ ?*  *+ Ta có thể liên hệ với các bài thơ, tác phẩm văn học nào khác?*  **b/ Lập dàn ý:**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: - Làm việc cá nhân 35’  GV:  - Hướng dẫn HS trình bày dàn ý.  - Quan sát, theo dõi HS thực hiện hiệm vụ.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: - báo cáo sp của mình, những HS còn lại quan sát sp của bạn, theo dõi bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Nhận xét, đánh giá**  GV:  - Nhận xét:  + Thái độ làm việc của HS khi làm nhiệm vụ.  + Sản phẩm của các cá nhân hs sau khi thực hiện yc của GV.  **Yêu cầu 4: HS luyện viết đoạn văn theo dàn ý đã lập**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS viết thành đoạn văn, bài văn*.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - Làm việc cá nhân.  GV:  - Quan sát, theo dõi HS thực hiện hiệm vụ.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: - Hoàn thành sp của mình.  **B4: Nhận xét, đánh giá**  GV:  - Nhận xét:  + Thái độ làm việc của HS khi làm nhiệm vụ.  + Sản phẩm của các cá nhân hs sau khi thực hiện yc của GV.  **Yêu cầu 5: HS trình bày bài viết và sửa lỗi.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc đoạn văn, bài văn đã viết*.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - Làm việc cá nhân.  GV:  - Quan sát, theo dõi HS thực hiện hiệm vụ.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: - Trình bày sp của mình.  **B4: Nhận xét, đánh giá**  GV:  - Nhận xét:  + Thái độ làm việc của HS khi làm nhiệm vụ.  + Sản phẩm của các cá nhân hs sau khi thực hiện yc của GV. | \* Dàn ý bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) **1. Mở bài**  Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có).  **2. Thân bài**  Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày thân bài theo một hệ thống ý tương đương.  - Phương án 1:   * Ý 1: Câu thơ thứ … (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) * Ý 2: Câu thơ thứ… (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) * Ý…   - Phương án 2:   * Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (đối tượng trào phúng, lí do khiến đối tượng bị phê phán…) * Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng…)   **3. Kết bài**  Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng, giá trị nghệ thuật của tác phẩm.  **Đề bài 1: Phân tích bài thơ Vịnh Khoa Thi Hương của Trần Tế Xương.**  *Nhà nước ba năm mở một khoa,*  *Trường Nam thi lẫn với trường Hà.*  *Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,*  *Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.*  *Lọng cắm rợp trời, quán sứ đến,*  *Váy lê quét đất mụ đầm ra.*  *Nhân tài đất bắc, kìa ai đó,*  *Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.*  **LẬP DÀN Ý**  **1. Mở bài**  Giới thiệu tác giả Trần Tế Xương và dẫn dắt vào bài Vịnh khoa thi Hương.  **2. Thân bài**  **a. Hai câu đề**  Nhà nước ba năm mở một khoa: lời thông báo, giới thiệu của tác giả về quy định bình thường của lệ thi cử nước nhà xưa nay.  Trường Nam thi lẫn với trường Hà: Vốn là hai nơi khác nhau, hai trường thi khác nhau, nhưng năm nay thí sinh của hai trường này lại ngồi trộn lẫn với nhau.  Từ "lẫn" diễn tả khung cảnh nhốn nháo, ô hợp của trường thi, đối lập với sự trang nghiêm cần có trong một kì thi hương quan trọng của triều đình.  → Dẫn dắt vào bối cảnh của kì thi một cách tài tình, độc đáo, phần nào phản ánh được thực trạng kì thi lúc bấy giờ.  **b. Hai câu thực**  Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ: Sĩ tử" là những người đi thi, đáng ra phải trông thật nho nhã, trang trọng, vậy mà ở đây toàn thấy là sự luộm thuộm, lôi thôi. Đảo chữ "lôi thôi" lên đầu câu để nhấn mạnh cái sự nhếch nhác của các sĩ tử trong mùa thi hương lần này → gợi lên sự xiêu vẹo, sự đổ gãy, lếch thếch của những kẻ sau này vốn sẽ trở thành những trụ cột tương lai của đất nước.  Ậm ọe quan trường miệng thét loa: Cái âm thanh "ậm ọe" ấy chỉ là những thanh âm ú ớ, không rõ tiếng rõ lời, nhưng lại được gân lên bằng sự la lối của đám quan lại trường thi. Sự trang trọng trong việc gọi tên vào thi của kì thi hương ấy đã bị những kẻ làm quan kia lấn át, làm lu mờ bởi sự phách lối, vênh váo của những kẻ dựa hơi mà chẳng có chút thực quyền nào.  → Hai câu thơ đối nhau làm nổi bật lên khung cảnh của trường thi. Nhưng trong đó, người ta thấy không chỉ là bóng dáng của trường thi với kì thi hương mà còn thấy khung cảnh hỗn tạp, nhốn nháo của đất nước khi rơi vào tình nửa thực dân nửa phong kiến.  **c. Hai câu luận**  Hình ảnh của một "ông Tây" với "bà đầm" phản ánh thật đúng với cái tình cảnh của nước ta thời bấy giờ: người dân trở thành nô lệ, triều đình là một bức bình phong còn thực quyền ở trong tay người Pháp.  Tú Xương đặt cái "váy" của bà đầm và cái "lọng" của ông quan Tây được đặt ngang bằng, ghép hai hình ảnh đó lại, người ta thấy đó là mỉa mai đầy châm biếm  Từ "quan sứ" để nói về ông quan tây nhưng lại dùng từ "mụ đầm" khi nói về vợ của ông ta, đây chẳng phải là một sự khinh bỉ, một sự "chơi xỏ" mà Tú Xương dành cho viên Toàn quyền Pháp.  **d. Hai câu kết**  "Đất Bắc" vốn là từ chỉ Hà Nội, là nơi hội tụ của ngàn năm kinh đô, là nơi của bậc đế vương ngự trị.  "Nhân tài" ở đây là một từ phiếm chỉ, là những kẻ đã từng một lần mơ ước được bước qua cánh cửa thi hương này và cũng là những kẻ đã từng đặt chân đến đây hãy nhìn xem "cảnh nước nhà".  → Lời thơ như một tiếng than đau xót vô vàn của Tú Xương khi mắt phải nhìn thấy đất nước đang dần rơi vào tay giặc.  **3. Kết bài**  Khái quát lại giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ; đồng thời nêu lên cảm nghĩ của bản thân.  **ĐỀ BÀI 2: PHÂN TÍCH BÀI THƠ *ĐỀ ĐỀN SẦM NGHI ĐỐNG* CỦA HỒ XUÂN HƯƠNG.**  *Ghé mắt trong ngang thấy bảng treo*  *Kìa đền thái thú đứng cheo leo*  *Ví đây đổi phận làm trai được*  *Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu*  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  **A/ Sưu tầm thông tin về tác giả, tác phẩm**  **1. Thông tin về tác giả:**  - Hồ Xuân Hương (?-?)  - Sống khoảng cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX  - Quê quán: Quỳnh Đôi – Quỳnh Lưu – Nghệ An.  - Là người nổi tiếng với những sáng tác thơ bằng chữ Nôm. Tổng cộng 50 bài.  - Chủ đề: Bênh vực, đề cao phụ nữ và để kích thói đạo đức giả của quan lại vua chúa.  🡪Được ví là Bà chúa thơ Nôm.  **2. Tác phẩm: Đề đền Sầm Nghi Đống**  - Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  - Chủ đề bài thơ: khát vọng bình đẳng nam – nữ muốn lập lên công danh sự nghiệp vẻ vang cho người phụ nữ của HXH.  **3. Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng trong bài thơ.**  **- Cảm xúc chủ đạo:** giễu cợt, mỉa mai, thiếu tôn trọng đối với tên tướng giặc xâm lược đã bại trận dưới tay của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ.  - **Thủ pháp trào phúng**: Cách nói giễu cợt, mỉa mai, châm biếm để tạo ra tiếng cười.  **- Tiếng cười trào phúng**: (cười người): cười giễu cho cái kết cục của kẻ xâm lược, đồng thời bộ lộ cá tính, bản lĩnh khát vọng muốn thay đổi thân phận, lập nên sự nghiệp lẫy lừng vẻ vang cho phận nữ nhi của HXH.  + Đề thơ là một phong tục của Trung Quốc xưa, đến đời Đường đã rất thịnh hành. Khách du sơn ngọan thủy, thăm thú thắng cảnh đền đài, hứng làm thơ, vung bút đề thơ để lưu bút tích và bày tỏ cảm xúc, chí khí của mình.  + Hồ Xuân Hương là một nữ sĩ phóng khoáng, thích thăm thú, du ngoan, cũng thường vung bút đề thơ. Đây là trường hợp hiếm có đối với một người phụ nữ trong xa hội phong kiến.  + Nhân vật Sầm Nghi Đống:  Sầm Nghi Đống là thái thú đất Diễn Châu, Trung Quốc, tùy tướng của Tôn Sĩ Nghị trong cuộc xâm lược Việt Nam năm 1789. Ông được giao giữ đồn Khương Thượng, Đống Đa. Khi bị quân Tây Sơn đánh, ông không chống cự được nên đã thắt cổ tự tử. Để giữ mối quan hệ bang giao hai nước, Quang Trung cho người Hoa lập miếu thờ Sầm Nghi Đống tại phía sau phố Hàng Buồm ngày nay.  + Mấy chục năm sau, Hồ Xuân Hương đi qua ngôi đền thờ tên tướng giặc do Hoá Kiều dựng nên, bà đã tức cảnh làm bài thơ này.  + Bài thơ không chỉ thể hiện một cách nhìn khinh rẻ đối với một viên tướng xâm lược, mà còn nói lên một khát vọng của bản thân nhà thơ nói riêng và người phụ nữ nói chung về sự bình đẳng nam nữ.  + Các từ ngữ cần chú ý bám sát khi phân tích: *Ghé mắt, trông ngang, cheo leo, ví đây, đổi phận…***-> Tác dụng thể hiện rất rõ thái độ của tác giả.**  **B/ Lập dàn ý:**  **A/ Mở bài:**  - Giời thiệu về Hồ Xuân Hương và phong cách sáng tác của bà **vừa hóm hỉnh, vui tươi nhưng chứa dựng ý nghĩa thầm kín sâu sắc**.  -Khẳng định bài thơ *Đề đền Sầm Nghi Đống* là tác phẩm thể hiện rõ nét phong cách thơ của bà.  - Trích dẫn bài thơ.  **Gợi ý viết phần mở bài:**  Hồ Xuân Hương là một nữ sĩ tài danh bậc nhất của nền văn học trung đại Việt Nam. Thơ Hồ Xuân Hương vừa hóm hỉnh, vui tươi nhưng chứa dựng ý nghĩa thầm kín sâu sắc. Bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống thể hiện rõ nét phong cách thơ của bà.  *Ghé mắt trong ngang thấy bảng treo*  *Kìa đền thái thú đứng cheo leo*  *Ví đây đổi phận làm trai được*  *Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu*  B/ Thân bài:  1/ Giới thiệu về nhân vật Sầm Nghi Đống và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.  **Gợi ý viết phần thân bài**  Sầm Nghi Đống là thái thú đất Diễn Châu, Trung Quốc, tùy tướng của Tôn Sĩ Nghị trong cuộc xâm lược Việt Nam năm 1789. Ông được giao giữ đồn Khương Thượng, Đống Đa. Khi bị quân Tây Sơn đánh, ông không chống cự được nên đã thắt cổ tự tử. Để giữ mối quan hệ bang giao hai nước, Quang Trung cho người Hoa lập miếu thờ Sầm Nghi Đống tại phía sau phố Hàng Buồm ngày nay. Nhân một dịp đi qua, Hồ Xuân Hương đã làm bài thơ này.  2/ **Phân tích bài thơ:**   * Phân tích 2 câu đầu:   *Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo*  *Kìa đền thái thú đứng cheo leo*  ***+ + Ghé mắt:*** theo Từ điển Tiếng Việt, nghiêng đầu và đưa mắt nhìn, chỉ thuần tuý là động tác, không hàm ý kính trọng.  ***+ Trông ngang:*** cái nhìn coi thường.  + Chữ ***cheo leo*** là một từ đặc sắc, nó chỉ một thế đứng cao nhưng không có nơi bấu víu, dễ đổ ụp xuống.  ***+*** Chữ ***kìa*** thườngkèm theo các động tác chỉ trỏ hàm ý bất kính.  **Gợi ý viết phần phân tích thơ**  Mở đầu bài thơ, Hồ Xuân Hương đã biểu thị một cái nhìn thiếu trân trọng đối với ngôi đền:  *Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo*  *Kìa đền thái thú đứng cheo leo.*  Những ai được lập đền, dù là quân giặc, đều được coi là thần, đền thờ đó thường được mọi người đến thắp hương cúng bái, cầu vọng. Nhưng Hồ Xuân Hương thì chỉ ghé mắt trông ngang. ***Ghé mắt***, theo Từ điển Tiếng Việt, là nghiêng đầu và đưa mắt nhìn, chỉ thuần tuý là động tác, không hàm ý kính trọng. ***Ghé mắt trông ngang*** chớ không phải trông lên, đã thể hiện một thái độ bất kính đối với vị thần xâm lược thất bại. Đền Thái, thú đứng cheo leo hẳn là đền xây trên gò, và người ta không dễ trông ngang. Rõ ràng Hồ Xuân Hương cố tình chọn một cái nhìn coi thường đối với vị Thái thú ở nơi tha hương này. ***Chữ cheo leo*** là một từ đặc sắc, nó chỉ một thế đứng cao nhưng không có nơi bấu víu, dễ đổ ụp xuống. Chữ ***kìa*** cũng hàm ý bất kính, bởi nó kèm theo các động tác chỉ trỏ, mà đối với các nơi đền đài linh thiêng người đến viếng không được nói to, giơ tay chỉ trỏ như đối với đồ vật. Với hai câu thơ ấy, Hồ Xuân Hương đã tước bỏ hết tính chất thiêng liêng, cung kính của một ngôi đền. Hồ Xuân Hương không chỉ nhìn ngang chỉ trỏ trước một ngôi đền, bà lại còn tự ví mình, so sánh mình với người được thờ nữa:  \*Phân tích 2 câu cuối: *Ví đây đổi phận làm trai được*  *Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu*  ***+ Từ “đây”:*** Cái cách bà tự xưng là ***đây*** để đối lại với Sầm Nghi Đống là đấy, thì dù bà chưa đổi phận được, bà cũng đã rất coi thường vị nam nhi họ Sầm.  + ***sự anh hùng há bấy nhiêu:*** khiến ta có thể nghĩ rằng Hồ Xuân Hương đang tự cho rằng mình có thể làm gấp nhiều lần, so với sự nghiệp của Sầm Nghi Đống;  Cũng có thể hiểu đó là một lời dè bỉu: sự nghiệp của ông có bấy nhiêu thôi ư?  **Gợi ý viết:**  Cái ý nghĩa đổi phận làm trai đã thể hiện cái mặc cảm phụ nữ đối với nam giới trong xã hội phong kiến đã áp đặt vào ý thức nhà thơ. Nhưng mặt khác, nó cũng thế hiện nhu cầu đổi phận, không chịu an phận của bà. Cái cách bà tự xưng là ***đây*** để đối lại với Sầm Nghi Đống là đấy, thì dù bà chưa đổi phận được, bà cũng đã rất coi thường vị nam nhi họ Sầm.  “Thì sự anh hùng há bấy nhiêu” .  Câu thơ khiến ta có thể nghĩ rằng Hồ Xuân Hương tự cho mình có thể làm gấp nhiều lần, so với sự nghiệp của Sầm Nghi Đống, song đúng hơn, nên biểu hiện một lời dè bỉu: sự nghiệp của ông có bấy nhiêu thôi ư, nó quá ít đối với một đấng nam nhi đấy! C/ Kết bài: Khẳng định giá trị nội dung, ý nghĩa của bài thơ.  **Gợi ý viết:**  Bài thơ Đề đền Sầm Nghi Đống là một khái vọng được bình đẳng, khát vọng lập nên sự nghiệp anh hùng vẻ vang của một người phụ nữ.  Thái độ “bất kính” của bà là một thách thức đối với ý thức trọng nam khinh nữ, thách thức với các “sự nghiệp anh hùng” của nam nhi, thách thức đối với thần linh.Bài thơ thể hiện mạnh mẽ nhu cầu giải phóng cá tính của con người, bất chấp các ước lệ ràng buộc của xã hội phong kiến. |

* **Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

**Luyện viết các bài văn đã xây dựng được dàn ý sẵn trên lớp.**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**TIẾT 56, 57, 58, 59, 60**

**LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; tự giải quyết vấn đề.

2. Năng lực riêng biệt:

- Vận dụng được các kĩ năng để làm một bài tổng hợp.

- Năng lực tạo lập một bài văn.

- Năng lực làm bài đọc hiểu;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực tổng hợp kiến thức đã học vào thực hành làm bài tập.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:**  - HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.  - HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**. GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS.  HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.  **\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút.  HS làm việc cá nhân.  HS tiếp nhận nhiệm vuh  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, chữa lỗi cho HS. | **BÀI LÀM CỦA NỖI HS SAU GIỜ LUYỆN TẬP TỔNG HỢP** |

**GV PHÁT ĐỀ VÀ YÊU CÂU HS LÀM RA GIẤY KIỂM TRA**

**HẾT GIỜ GV THU CHẤM, SỬA LỖI CHO HS**

**ĐỀ SỐ 1**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi sau:

*Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động tới mọi khía cạnh của cuộc sống, của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này. Những sinh vật có sức chống trả càng yếu, sẽ càng sớm trở thành nạn nhân, và chịu ảnh hưởng càng nặng nề. Rồi loài người sẽ là những nạn nhân tiếp theo nếu chúng ta không cùng nhau tạo ra thay đổi. Thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn là hệ quả của chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay. Tôi tin rằng, nếu đã đọc đến đây, bạn sẽ trở thành đồng đội của tôi, của tác giả, của những người đang cố gắng để làm cho Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn.*

(Theo Hoàng Thảo – Lời giới thiệu, Sống xanh không khó - Nam Kha, NXB Dân trí, 2020)

**Câu 1:** Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

A. Miêu tả. B. Biểu cảm.

C. Nghị luận. D. Tự sự.

**Câu 2:** Theo tác giả,biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động như thế nào?

A.Tới mọi mặt của đời sống con người.

B. Tới mọi mặt của thú rừng.

C. Tới mọi mặt của con người và cây cối.

D. Tới mọi mặt, mọi khía cạnh của cuộc sống, của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này.

**Câu 3:**Theo tác giả, những sinh vật có sức chống trả càng yếu sẽ như thế nào trước sự biến đổikhí hậu, ô nhiễm môi trường ?

A. Dễ hoà nhập.

B.Sớm trở thành nạn nhân, và chịu ảnh hưởng càng nặng nề.

C. Không chịu ảnh hưởng từ môi trường sống.

D. Thích nghi cao với ô nhiễm môi trường.

**Câu 4:** Theo tác giả, tương lai con người sẽ như thế nào nếu chúng ta không cùng nhau tạo ra thay đổi?

A. Loài người sẽ là những nạn nhân tiếp theo.

B. Loài người không chịu sự ảnh hưởng bởi ô nhiễm môi trường.

C. Loài người thích nghi với ô nhiễm môi trường.

D. Loài người sẽ có cuộc sống tốt đẹp

**Câu 5**: Theo tác giả, thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn chúng ta phụ thuộc vào điều gì?

A. Những sinh vật có sức chống trả yếu.

B. Phụ thuộc vào chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay.

C. Phụ thuộc vào việc trồng cây, gây rừng.

D. Phụ thuộc vào việc thu gom rác.

**Câu 6:** Nội dung chính của ngữ liệu trên:

A. Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường tác động tới mọi mặt cuộc sống của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này và con người phải hành động.

B. Miêu tả cuộc sống của con người trên trái đất.

C. Miêu tả cuộc sống của các loài thú trên trái đất.

D. Miêu tả cuộc sống của cỏ cây trên trái đất

**Câu 7:** câu văn: “Tôi tin rằng, nếu đã đọc đến đây, bạn sẽ trở thành đồng đội của tôi, của tác giả, của những người đang cố gắng để làm cho Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn” sử dụng biện pháp tu từ nào?

A.So sánh. B. Nhân hoá.

C. Ẩn dụ. D. Liệt kê.

**Câu 8:** Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn khi nào?

A. Các nước phát triển dồn rác thải sang các nước nghèo, nước chậm phát triển.

B. Mọi người, mọi quốc gia biết bảo vệ và giữ gìn môi trường sống.

C. Các nước giàu có và phát triển bảo vệ môi trường sống của họ.

D. Các nước nghèo, nước chậm phát triển tự bảo vệ môi trường sống của họ.

**Câu 9:** Em có đồng tình với ý kiến: Thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn là hệ quả của chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay không? Vì sao?

**Câu 10:** Từ ngữ liệu phần đọc hiểu, em hãy trình bày những việc em đã và sẽ làm để góp phần bảo vệ môi trường sống, để trái đất trở nên tốt đẹp hơn ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ trào phúng mà em yêu thích?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh có thể trình bày theo quan điểm cá nhân, diễn giải hợp lý.Gợi ý: Đồng tình  Lý giải: Những việc làm của chúng ta ngày hôm nay sẽ gây tác động đến môi trường mà thế hệ sau chính là đối tượng trực tiếp chịu ảnh hưởng từ hệ quả đó. Vì vậy nếu hôm nay chúng ta cùng nhau thay đổi để có môi trường xanh thì tương lai thế hệ sau của chúng ta sẽ được sống trong một cuộc sống trong lành, Trái đất trở thành một nơi tốt đẹp hơn và ngược lại. | 1,0 |
|  | **10** | \* Bảo vệ Trái đất chính là vấn đề cấp thiết hiện nay.  \* Nêu thực trạng ô nhiễm môi trường hiện nay:  + Trái đất ngày càng nóng lên  + Không khí chứa nhiều thành phần gây hại hơn  + Nồng độ chì đã và đang tăng lên  + Ô nhiễm từ các loại xe cộ...  **\* Những việc cần làm để trái đất trở nên tốt đẹp hơn:**  + Cần có ý thức bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường  + Có lối sống hoà hợp với môi trường.  + Tiết kiệm nguồn điện, nguồn nước  + Ít sử dụng hóa chất  + Ngăn chặn chặt phá và khai thác rừng,...  + Bảo vệ các loài động vật quý hiếm...  + Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xử lý những doanh nghiệp, cá nhân vi phạm.  + Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, hiểu rõ tác hại của ô nhiễm môi trường đối với hệ sinh thái, sức khỏe con người...  + Tái chế rác thải, tái sử dụng giấy.  + Giảm thiểu chất thải và tác động của môi trường  \*Bài học nhận thức và hành động  + Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường.  + Hiểu rằng bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của mình, của tất cả những người quanh mình, của toàn xã hội và toàn thế giới. Khái quát lại vấn đề vừa bàn luận. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo bố cục bài văn phân tích tác phẩm gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Phân tích một tác phẩm thơ mà em yêu thích.* | 0,25 |
| ***Mở bài:*** Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời( nếu có)…  ***Thân bài:***  Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày thân bài theo một hệ thống ý tương đương.  **- Phương án 1:**   * Ý 1: Câu thơ thứ … (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) * Ý 2: Câu thơ thứ… (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) * Ý…   **- Phương án 2:**   * Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (đối tượng trào phúng, lí do khiến đối tượng bị phê phán…) * Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng…) * ***Kết bài****:* Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm | 3 đ |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 2**

**I. ĐỌC HIỂ****U (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**THẾ GIỚI RA SAO NẾU KHÔNG CÓ CÂY XANH?**

Trong một năm, một cây ra lá khi trưởng thành sẽ sản sinh ra ngày càng nhiều oxi, đủ cho 10 người thở. Ai cũng biết tầm quan trọng, sự thiết yếu của oxi đối với cuộc sống của con người. Nhưng đó chỉ là yếu tố cần. Yếu tố đủ cho sự sống bao gồm nhiệt độ, khí hậu, không khí trong lành... cũng phụ thuộc lớn vào mật độ cây xanh trên thế giới. Tuy nhiên, rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi. Ước tính có khoảng hàng chục triệu hecta rừng biến mất mỗi năm. Nạn phá rừng xảy ra do tình trạng gia tăng dân số và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ngày một nhiều. Con người đã chặt hạ cây cối để lấy chỗ cho sự phát triển mới.

Một trong những vai trò quan trọng nhất của cây xanh là làm mát, điều hoà không khí. Hệ thực vật trên Trái Đất đã khiến cuộc sống của chúng ta dễ chịu hơn, nhất là việc cung cấp bóng râm trong những ngày oi nóng. Có một điều không ai phủ nhận là sự tồn tại của cây xanh ảnh hưởng tới khí hậu Trái Đất. Dù không tạo ra tuyết trong ngày nắng nóng nhưng có cây xanh là có sự khác biệt. Khí hậu Trái Đất đang dần tăng 1 – 1,5°C trong thế kỉ qua, một phần nguyên nhân từ sự sụt giảm diện tích rừng trên toàn cầu.

Mỗi bộ phận của cây xanh, từ rễ đến lá đều có tác động đến khí hậu. Lá cây giúp điều hoà, làm mát không khí qua quá trình thoát hơi nước, giúp tăng độ ẩm trong không khí. Với mắt người, thoát hơi nước ở cây là các quá trình vô hình, nhưng theo điều tra địa chất của Mỹ một cây sồi lớn có khả năng vận chuyển khoảng 40 000 gallon (hơn 151 000 lít) nước vào bầu khí quyển trong vòng một năm. Quá trình này cực kì hữu ích trong việc giảm mưa bão vì nó trả lại độ ẩm cho bầu khí quyển. Nhờ khả năng điều hoà, làm mát không khí mà ở những khu vực có cây xanh thì cư dân giảm thiểu được nhu cầu sử dụng năng lượng. Xung quanh các toà nhà, văn phòng thường trồng cây xanh như một chiến lược tạo bóng mát cho ngày hè cũng như cản gió lạnh vào mùa đông. Cây xanh có tác dụng hấp thụ bớt lượng nhiệt phát sinh từ các hoạt động của đô thị (xe cộ, giao thông, điều hoà nhiệt độ, máy làm mát). Trồng cây xanh được biết đến là giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn sự nóng dần lên của Trái Đất.

Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh”. Lá cây giúp che chắn các thành phần bụi bẩn, độc hại có trong không khí. Nếu không có cây xanh che bụi và các chất ô nhiễm, con người sẽ khó thở và mắc nhiều bệnh mãn tính do không khí ô nhiễm gây ra.

Tóm lại, không phải ngẫu nhiên những nơi sạch nhất và đáng sống nhất, trong mắt nhiều người tựa “thiên đường” lại được thiết kế để con người có thể sống hài hoà với màu xanh của cỏ cây.

(Theo THU THỦY – songmoi.vn)

**Lựa chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1**: Tại sao văn bản trên được coi là văn nghị luận?

A. Vì nêu lên được thực trạng về cây xanh đang mất dần

B. Vì phân biệt được các lợi ích của cây xanh

C. Vì nêu được nguyên nhân cây xanh bị chặt phá

D. Vì nêu được ý kiến và làm sáng tỏ bởi lí lẽ và bằng chứng

**Câu 2**: Thái độ quan tâm, lo lắng của tác giả thể hiện rõ ở câu văn nào ?

A. Mỗi bộ phận của cây xanh, từ rễ đến lá đều có tác động đến khí hậu.

B. Xung quanh các toà nhà, văn phòng thường trồng cây xanh.

C. Lá cây giúp che chắn các thành phần bụi bẩn, độc hại có trong không khí.

D. Thế giới ra sao nếu không có cây xanh?

**Câu 3**: Ý chính của câu kết “Tóm lại [...] màu xanh của cỏ cây” là gì?

A. Sống hài hoà với cỏ cây là tiêu chí của cuộc sống hạnh phúc.

B. Trong mắt nhiều người, cỏ cây tựa như “thiên đường”.

C. Nơi sạch nhất và đáng sống nhất là nơi có cỏ cây.

D. Nơi sạch nhất và đáng sống nhất là “thiên đường”.

**Câu 4**: Bằng chứng cụ thể của người viết?

A. Nếu không có cây xanh che chắn bụi và các chất ô nhiễm, con người sẽ khó thở và mắc nhiều bệnh mãn tính do không khí ô nhiễm gây ra.

B. Một cây sồi lớn có khả năng vận chuyển khoảng 40 000 gallon

(hơn 151. 000 lít) nước vào bầu khí quyển trong vòng một năm.

C. Một trong những vai trò quan trọng nhất của cây xanh là làm mát, điều hoà

không khí.

D. Nhờ khả năng điều hoà, làm mát không khí mà ở những khu vực có cây

xanh giảm thiểu được nhu cầu sử dụng năng lượng.

**Câu 5**: Tầm quan trọng của cây xanh được thể hiện qua câu văn nào?

A. Có khoảng hàng chục triệu hecta rừng biến mất mỗi năm.

B. Con người đã chặt hạ cây cối để lấy chỗ cho sự phát triển mới.

C. Sự tồn tại của cây xanh ảnh hưởng tới khí hậu Trái Đất.

D. Khí hậu Trái Đất đang dân tăng 1 - 1,5°C trong thế kỉ qua.

**Câu 6**: Câu nào sau đây chứa từ tượng hình?

A. Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh" long lanh đa sắc

B. Rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi.

C.Trồng cây xanh được biết đến là giải pháp hữu hiệu

D. Khí hậu Trái Đất đang dần tăng trong thế kỉ qua.

**Câu 7**:

Qua câu: “Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh””, tác giả muốn khẳng định điều gì?

A. Cây cối rất quan trọng đối với việc hô hấp của con người.

B. Cây cối có vai trò to lớn, có thể thay cho lá phổi con người.

C. Cây cối có tác động to lớn đến tình hình khí hậu trên Trái Đất.

D. Cây cối làm cho lá phổi con người xanh và mát mẻ, dễ chịu.

**Câu 8**: Vấn đề chính của văn bản mà tác giả đặt ra là:

A. Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh”.

B. Mỗi bộ phận của cây xanh đều có tác động đến khí hậu.

C. Con người không thể sống thiếu cây xanh.

D. Rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi.

**Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**: Viết khoảng 2 câu văn mở đầu bằng: "Nếu không có cây xanh...” theo cách diễn dịch

**Câu 10:** Hãy viết ra 2 việc làm cụ thể mà em và mọi người có thể làm được để bảo vệ môi trường.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn phân tích bài thơ ***Chiều hôm nhớ nhà*** của Bà Huyện Thanh Quan

GỢI Ý ĐÁP ÁN

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| 1 | C | 0.5 |
| 2 | D | 0.5 |
| 3 | A | 0.5 |
| 4 | D | 0.5 |
| 5 | B | 0.5 |
| 6 | A | 0.5 |
| 7 | A | 0.5 |
| 8 | D | 0.5 |
| 9 | - HS viết tiếp ý đã cho, đủ 2 câu  - Trong 2 câu văn theo cách câu chủ đề đặt ở đầu đoạn văn | 0.5  0.5 |
| 10 | HS kể tên được 2 việc có thể làm để bảo vệ môi trường, câu trả lời có thể có các ý như sau:  -Trồng cây, trồng hoa quanh nhà, hai bên đường…  - Phân loại, xử lý rác thải … không vứt rác bừa bãi…  - Không vứt rác bừa bãi, chặt phá cây xanh…  - Sử dụng tiết kiệm giấy, vở…  - Không (hoặc hạn chế) sử dụng bao bì ni lông, đồ dùng bằng nhựa  … | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn:*  *phân tích về một tác phẩm thơ.* | 0.25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Đề: Phân tích bài thơ Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan | 0.25 |
| *c. Yêu cầu nội dung*  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ,...); nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ  - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ.  - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú. nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,...)  - Khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ; nêu được tác động của bài thơ đối với bản thân. |  |
| 2,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp:*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
|  |  | *e. Sáng tạo*: có sự tinh tế, sắc sảo trong lựa chọn chi tiết và kĩ năng lập luận, phân tích dẫn chứng. | 0.5 |

**ĐỀ SỐ 3**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**HAI KIỂU ÁO**

*Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi :*

*- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ ?*

*Quan lớn ngạc nhiên :*

*- Nhà ngươi biết để làm gì ?*

*Người thợ may đáp :*

*- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

*Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo :*

*- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.*

*(Theo Trường Chính - Phong Châu)*

**Câu 1 (0.5 điểm).** Truyện *“Hai kiểu áo”* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2 (0.5 điểm):** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3 (0.5 điểm):** Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 4 (0.5 điểm).** Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí.

B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.

C. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại .

D. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.

**Câu 5 (0.5 điểm):** Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *“hách dịch”*?

A. Thể hiện thái độ hòa nhã, coi trọng của cấp dưới đối với cấp trên.

B. Thể hiện thái độ ưu ái, quan tâm đến của cấp trên đối với cấp dưới.

C. Thể hiện thái độ ra oai, hạch sách người khác do cậy mình có quyền thế.

D. Thể hiện thái độ nhân nhượng của cấp trên đối với cấp dưới.

**Câu 6 (0.5 điểm):** Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu *“… Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.”* là gì?

A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luồn cúi, nên vạt trước chùng lại

B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vạt trước sẽ hớt lên.

C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.

D. Cả A và B

# **Câu 7 (0.5 điểm):** Chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.

B. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.

C. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.

D. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên. 

**Câu 8 (0.5 điểm):** Viên quan trong câu chuyện là người như thế nào?

A. Tính cách hèn hạ đối với cấp trên và hách dịch đối với kẻ dưới.

B. Đối xử không công bằng với kẻ dưới.

C. Hay nịnh nọt cấp trên.

D. Khinh ghét người nghèo khổ.

**Câu 9 (1 điểm):** Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

**Câu 10 (1 điểm):** Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

**II. VIẾT. (4,0 điểm)**

Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương trong cuộc sống.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc hiểu** | 1 | A | 0,5 |
| 2 | B | 0,5 |
| 3 | C | 0,5 |
| 4 | C | 0,5 |
| 5 | C | 0,5 |
| 6 | D | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | A | 0,5 |
| 9 | Bài học:  - Nên có thái độ với những người quan chuyên đi đối xử tồi tệ với dân.  - Chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử. | 0,5  0,5 |
| 10 | Tác giả phê phán kiểu người trong xã hội bấy giờ:  - Một số quan lại luôn tìm cách xu nịnh, luồn lách để được thăng tiến, vơ vét của cải của dân lành về làm giàu cho mình  - Thói khinh bỉ, bắt nạt, coi thường những người dân đen nghèo khổ. | 0,5  0,5 |
| **II. Viết** |  | a. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| b. *Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Tình yêu thương trong cuộc sống. |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  **Mở bài**:  + Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận.  + Nêu vấn đề: Tình yêu thương trong cuộc sống.  **Thân bài**:  **+ Nêu quan niệm về tình yêu thương?**  – ***Tình yêu thương*** là sự quan tâm, chăm sóc, che chở, lo lắng cho nhau giữa con người với con người.  **+ Nêu biểu hiện của tình yêu thương trong đời sống ( HS nêu được từ 3-4 biểu hiện GV cho điểm tối đa)**  - Trong gia đình ông bà cha mẹ anh chị em yêu thương đùm bọc nhau.  - Cha mẹ hi sinh, chấp nhận những khó khăn gian khổ để đổi lấy cuộc sống ấm no hạnh phúc cho con.  - Con cái biết hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và yêu thương anh chị em.  - Ngoài xã hội: Tình yêu thương được biểu hiện ở hành động nhường chỗ trên xe bus cho cụ già, chia sẻ phần ăn sáng của mình cho em bé đang đói bụng, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, quan tâm chia sẻ với họ cả vật chất lẫn tinh thần…  **+ Phân tích ý nghĩa của tình yêu thương:**  - Tình yêu thương thể hiện phẩm chất đạo đức cần có ở mỗi chúng ta.  - Tình yêu thương sẽ khiến cho con người trở nên tốt đẹp hơn.  - Là cơ sở tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh giữa con người với con người.  - Thúc đẩy tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng.  - Yêu thương còn tạo sức mạnh cảm hóa kì diệu đối với những người lầm đường lạc lối, mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin để họ sống tốt đẹp hơn.  - Tình yêu thương con người còn là cơ sở để hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp khác như lòng biết ơn, dũng cảm, vị tha…Chúng ta cần có tình yêu thương còn bởi nó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN...  **+ Dẫn chứng về tình yêu thương**  - Trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, nhân dân ta đã biết yêu thương đùm bọc nhau để chống lại kẻ thù xâm lược, có biết bao nhiêu bà mẹ VN nuôi giấu bộ đội như con đẻ của mình, biết bao nhiêu chiến sĩ coi đồng đội của mình như anh em ruột thịt, sẵn sàng đồng cam cộng khổ, thậm chí hi sinh cả tính mạng của mình để cứu đồng đội. Và chính có tình yêu thương, đoàn kết đó mà nhân dân ta đã dành lại được độc lập, tự do.  - Ngày nay, nhân dân ta thể hiện tình yêu thương qua những hành động cụ thể như giúp đỡ nhau để xoá đói giảm nghèo, chia sẻ kinh nghiệm làm giàu, giúp nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Hay mỗi khi một vùng nào trong cả nước gặp thiên tai hạn hán, lũ lụt thì nhân nhân cả nước cũng như kiều bào ở nước ngoài cùng chung tay giúp đỡ chia sẻ vật chất, động viên tinh thần để họ có thể ổn định cuộc sống.  - Nhiều phong trào nhân đạo được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng như “*Trái tim cho em*”*,* “*Lục lạc vàng*”*,* “*Vì bạn xứng đáng*”*,* “*Cặp lá yêu thương*”*,* “*Hiến máu nhân đạo*”*...*  **\* Phản biện:**  Bên cạnh những người sống có tình yêu thương thì trong XH vẫn còn những người sống vô cảm, ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân mình, nhận vào thật nhiều nhưng không muốn cho đi, không quan tâm, giúp đỡ người khác. Hay những người thể hiện tình yêu thương mà thiếu đi sự chân thành… Những người đó cần phải lên án và phê phán.  **\* Liên hệ bản thân**  - Tiếp theo cần có ý thức rèn luyện tình yêu thương ở mọi lúc mọi nơi bằng những hành động thiết thực trong cuộc sống.  - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác lúc gặp khó khăn.  - Học tập theo những tấm gương có tình yêu thương con người.  - Sống có trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình và những người xung quanh.  - Tham gia các phong trào ủng hộ, các hoạt động từ thiện: chăm sóc người già yếu, bệnh tật, an ủi người đau thương, giúp đỡ trẻ mồ côi, đồng bào bị thiên tai, dịch bệnh...  **Kết bài**:  + Khẳng định vai trò của tình yêu thương.  + Nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của em. | 3,5  0,5  0,25  0,25  1,0  0,5  0,25  0,25  0,5 |
| d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
| e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, hình ảnh. |

**ĐỀ SỐ 4**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**  Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu:  CHẠY TÂY  Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây Một bàn cờ thế phút sa tay Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy Mất ổ bầy chim dáo dác bay Bến Nghé của tiền tan bọt nước Ðồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng? Nỡ để dân đen mắc nạn này!  **Câu 1 :**Bài thơ Chạy giặc được viết theo thể thơ nào?  A. Thất ngôn tứ tuyệt  B. Thất ngôn trường thiên  C. Thất ngôn  D. Thất ngôn bát cú  **Câu 2 :**  “Tan chợ vưa nghe tiếng súng Tây,”  “Súng Tây” là chỉ tiếng súng của ai?  A. Thực dân Pháp  B. Đế quốc Mĩ  C. Thực dân Anh  D. Tất cả đều sai  **Câu 3 :**Thời điểm khi diễn ra cuộc tàn sát của thực dân Pháp?  A. Tan học  B. Tan chợ  C. Tan ca  D. Tất cả các đáp án trên đều sai  **Câu 4 :**Trong bài thơ Chạy giăc, hình ảnh nào lần đầu tiên xuất hiện trong văn học Việt Nam?  A. Bầy chim  B. Dân đen  C. Tan chợ  D. Súng Tây  **Câu 5 :**Hai câu thơ nào sau đây trong hài Chạy giặc của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ nét nhất sự hoảng hốt, ngơ ngác, mất phương hướng của nhân dân khi giặc Pháp xâm lược?  A. Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây, / Một bàn cờ thế phút sa tay”  B. “Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy, / Mất ổ đàn chim dáo dác bay”  C. “Bến Nghé của tiền tan bọt nước / Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây”  D. “Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng / Nỡ để dân đen mắc nạn này?”  **Câu 6 :**Nội dung chính của các câu thơ dưới đây là gì?  Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,  Một bàn cờ thế phút sa tay.  Bỏ nhà lũ trẻ lơ thơ chạy,  Mất ổ bầy chim dáo dác bay.  Bến Nghé của tiền tan bọt nước,  Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây  A. Cảnh đất nước và nhân dân khi thực dân Pháp đến xâm lược  B. Tâm trạng, thái độ của tác giả trước cảnh nước mất, nhà tan  C. Cả hai đáp án trên đều đúng  D. Cả hai đáp án trên đều sai  **Câu 7 :**Đáp án **không phải** nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ Chạy giặc?  A. Các biện pháp tu từ: từ láy, phép đối  B. Vận dụng sáng tạo hình ảnh, thành ngữ dân gian  C. Hình ảnh thơ gợi hình gợi cảm  D. Ngôn ngữ thơ tinh tế, giàu cảm xúc  **Câu 8 :**  “Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,  Mất ổ đàn chim dáo dác bay”  Hai câu thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  A. Ẩn dụ  B. Hoán dụ  C. Nhân hóa  D. Đảo ngữ  **Câu 9:** Bài thơ gửi đến chúng ta thông điệp gì?  **Câu 10:** Em hãy kể một việc làm thể hiện tinh thần yêu nước  **II. VIẾT (4,0 điểm)** Viết bài văn phân tích bài thơ “Chạy Tây” của Nguyễn Đình Chiểu  GỢI Ý ĐÁP ÁN   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** | | **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** | |  | **1** | **C** | 0,5 | | **2** | **A** | 0,5 | | **3** | **A** | 0,5 | | **4** | **C** | 0,5 | | **5** | **A** | 0,5 | | **6** | **A** | 0,5 | | **7** | **C** | 0,5 | | **8** | **D** | 0,5 | | **9** | 1. Lời kêu gọi tha thiết lòng yêu nước trong mỗi người để hành động chống kẻ thù xâm lược.  2. Cảnh trù phú, tươi đẹp, bình yên trước kia đã bị hủy diệt đến kiệt cùng, tan hoang.  3. Giặc đến tàn phá cuộc sống yên bình của nhân dân. Đất nước rơi vào cảnh khốn cùng.  4. Cảnh chạy giặc trong nỗi kinh hoàng của nhân dân. | 0,25  0,25  0,25  0,25 | |  | **10** | - HS kể một vài việc làm thể hiện tinh thần yêu nước | 1,0 | | **II** |  | **VIẾT** | **4,0** | |  | *a.Đảm bảo cấu trúc bài văn phân tích một tác phẩm văn học ( bài thơ Đường luật)*  - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.  Phân tích được nội dung cơ bản và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ  - Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng. | 0,25 | | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Phân tích một tác phẩm văn học | 0,25 | | HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **1. Mở bài**  – Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác: Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu viết bài **Chạy giặc**.  – Dẫn đề (ghi lại bài thơ).  – Chuyển mạch: phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  **2. Thân bài**  **\* Hai câu đề**  – Từ chính xác, gợi tả, hình ảnh thực, sinh động: tan chợ, vừa, tiếng súng Tây, cờ thế, phút sa tay.  – Tiếng súng của giặc Pháp đột ngột nổ vang, phá tan cuộc sống yên lành của nhân dân ta và đẩy nước nhà đến chỗ nguy nan, thất bại hoàn toàn.  – Cảm xúc mở đầu bài thơ: bàng hoàng, tuyệt vọng.  **\* Hai câu thực**  – Biện pháp ẩn dụ, đảo ngữ, những trạng từ gợi hình ảnh loạn li, tan tác của nhân dân ta: lơ xơ, dáo dác.  – Cách ngắt nhịp chẵn – lẻ của thơ Đường luật thể hiện lời than thở xót xa:  Bỏ nhà / lũ trẻ / lơ xơ chạy,  Mất ổ / đàn chim / dáo dác bay.  – Nỗi khổ của nhân dân ta trong cảnh chạy giặc.  **\*Hai câu luận**  – Biện pháp đảo ngữ được tiếp tục sử dụng, hình ảnh gợi tả: quê hương thân yêu Bến Nghé, Đồng Nai, bị giặc thiêu huỷ, cướp bóc, của tiền tan bọt nước, tranh ngói nhuốm màu mây.  – Sự tố cáo tội ác của giặc vừa cụ thể vừa khái quát bằng giọng thơ u uất, căm hờn.  – Tội ác dã man của giặc xâm lược.  **\*Hai câu kết**  – Ngôn ngữ châm biếm sắc cạnh (rày đâu vắng, nỡ để dân đen), than oán triều đình nhà Nguyễn sợ giặc, bỏ mặc dân tình khổ ải.  – Nỗi cảm khái trước cảnh điêu linh của nhân dân.  **3. Kết luận**  – Giá trị hiện thực: tái hiện cảnh chạy giặc của người dân trong những ngày thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Nam Bộ.  – Giá trị tư tưởng, tình cảm: biểu lộ lòng yêu nước, thương dân tha thiết, lòng căm thù giặc xâm lược bạo tàn. | 0,25  2,5  0,25 | | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 | | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, chặt chẽ, có cảm xúc, sáng tạo. | 0,25 | |